TỔNG HỢP BÀI MẪU

IELTS WRITING TASK 2 SIMON





MỤC LỤC

CAUSES/EFFECTS/SOLUTIONS	4
DISCUSS BOTH VIEWS + OPINION	10
AGREE OR DISAGREE	
POSITIVE OR NEGATIVE	
	J
2-PART QUESTIONS	56



Chào các bạn,

Dưới đây là tuyển tập 37 bài mẫu IELTS Writing Task 2 Huyền tổng hợp được từ website của thầy Simon (ielts-simon.com).

Huyền đã in đậm các từ/cụm từ hay và các từ này đều đã được dịch sang tiếng Việt để giúp các bạn dễ dàng hiểu bài hơn.

Trong quá trình tự học IELTS Writing Task 2, Huyền đã tự soạn 1 số tài liệu và video để hỗ trợ mọi người trong kỹ năng này, Huyền xin đính kèm các link tài liệu/video cần thiết nhất dưới đây:

- Folder chứa các bài học/tài liệu IELTS Writing Task 2 (được update liên tục): https://drive.google.com/open?id=1YSM9KpVII_9Hz5v85HWdxoCNFCUaC_A1_
- Cách kéo dài 1 câu trong IELTS Writing Task 2: https://www.youtube.com/watch?v=lg1NEllkVH4&t=31s
- Cách làm 1 bài essay dạng Discuss + Opinion (Phần 1): https://www.youtube.com/watch?v=sy7wJ-oY37o&t=632s
- Cách làm 1 bài essay dạng Discuss + Opinion (Phần 2): https://www.youtube.com/watch?v=1JG3S9ykwAY&t=718s

Huyền mong rằng các tài liệu sẽ hữu ích với các bạn trong quá trình ôn luyện IELTS Writing nhé!

Chúc các bạn học thật tốt!

Thân ái Nguyễn Huyền



CAUSES/EFFECTS/SOLUTIONS

More and more people are migrating to cities in search of a better life, but city life can be extremely difficult. Explain some of the difficulties of living in a city. How can governments make urban life better for everyone?

Ngày càng có nhiều người di cư đến các thành phố để tìm kiếm một cuộc sống tốt hơn, nhưng cuộc sống thành phố có thể cực kỳ khó khăn. Giải thích một số khó khăn khi sống trong một thành phố. Làm thế nào các chính phủ có thể làm cho cuộc sống đô thị tốt hơn cho tất cả mọi người?

Cities are often seen as places of opportunity, but there are also some major drawbacks of living in a large metropolis. In my opinion, governments could do much more to improve city life for the average inhabitant.

The main problem for anyone who hopes to migrate to a large city is that the cost of living is likely to be much higher than it is in a small town or village. Inhabitants of cities have to pay higher prices for housing, transport, and even food. Another issue is that urban areas tend to suffer from social problems such as high crime and poverty rates in comparison with rural areas. Furthermore, the air quality in cities is often poor, due to pollution from traffic, and the streets and public transport systems are usually overcrowded. As a result, city life can be unhealthy and stressful.

However, there are various steps that governments could take to tackle these problems. Firstly, they could invest money in the building of affordable or social housing to reduce the cost of living. Secondly, politicians have the power to ban vehicles from city centres and promote the use of cleaner public transport, which would help to reduce both air pollution and traffic congestion. In London, for example, the introduction of a congestion charge for drivers has helped to curb the traffic problem. A third option would be to develop provincial towns and rural areas, by moving industry and jobs to those regions, in order to reduce the pressure on major cities.

In conclusion, governments could certainly **implement** a range of measures to **enhance** the

Các thành phố thường được xem là nơi có cơ hội, nhưng cũng có một số hạn chế lớn của việc sống trong một đô thị lớn. Theo tôi, các chính phủ có thể làm nhiều hơn nữa để cải thiện đời sống thành phố cho người dân.

Vấn đề chính đối với bất cứ ai hy vọng di cư đến một thành phố lớn là chi phí sinh hoạt có thể cao hơn nhiều so với ở một thị trấn nhỏ hoặc một ngôi làng nhỏ. Cư dân ở các thành phố phải trả giá cao hơn cho nhà ở, giao thông, và thậm chí cả thực phẩm. Một vấn đề nữa là khu vực đô thị có xu hướng bị các vấn đề xã hội như tỷ lệ tội phạm và đói nghèo cao so với khu vực nông thôn. Hơn nữa, chất lượng không khí ở các thành phố thường kém, do ô nhiễm từ giao thông, và các đường phố và hệ thống giao thông công cộng thường quá đông đúc. Kết quả là, cuộc sống thành phố có thể không lành mạnh và căng thẳng.

Tuy nhiên, có nhiều cách khác nhau mà chính phủ có thể thực hiện để giải quyết những vấn đề này. Thứ nhất, họ có thể đầu tư tiền vào việc xây dựng nhà ở giá cả hợp lý hoặc nhà ở xã hội để giảm chi phí sinh hoạt. Thứ hai, các chính trị gia có quyền cấm xe từ các trung tâm thành phố và thúc đẩy việc sử dụng phương tiện giao thông công cộng sạch hơn, giúp giảm thiểu ô nhiễm không khí và tắc nghẽn giao thông. Ví dụ, ở London, việc áp dụng phí tắc nghẽn cho người lái xe đã giúp hạn chế vấn đề giao thông. Một lựa chọn thứ ba sẽ là phát triển các thị trấn và khu vực nông thôn, bằng cách di chuyển công nghiệp và việc làm đến những vùng đó, để giảm áp lực lên các thành phố lớn.

Tóm lại, các chính phủ chắc chắn có thể thực hiện một loạt các biện pháp để nâng cao chất



quality of life for all city residents.

lượng cuộc sống cho tất cả cư dân thành phố.



Many people prefer to watch foreign films rather than locally produced films. Why could this be? Should governments give more financial support to local film industries?

Nhiều người thích xem phim nước ngoài hơn là phim sản xuất tại địa phương. Tại sao? Các chính phủ có nên hỗ trợ tài chính nhiều hơn cho ngành công nghiệp điện ảnh địa phương không?

It is true that foreign films are more popular in many countries than domestically produced films. There could be several reasons why this is the case, and I believe that governments should promote local film-making by subsidising the industry.

There are various reasons why many people find foreign films more enjoyable than the films produced in their own countries. Firstly, the established film industries in certain countries have huge budgets for action, special effects and to shoot scenes in spectacular locations. Hollywood blockbusters like 'Avatar' or the James Bond films are examples of such productions, and their global appeal is undeniable. Another reason why these bigbudget films are so successful is that they often star the most famous actors and actresses, and they are made by the most accomplished producers and directors. The poor quality, lowbudget filmmaking in many countries suffers in comparison.

In my view, governments should support local film industries financially. In every country, there may be talented amateur film-makers who just need to be given the opportunity to prove themselves. To compete with big-budget productions from overseas, these people need money to pay for film crews, actors and a host of other costs related to producing high-quality films. If governments did help with these costs, they would see an increase in employment in the film industry, income from film sales, and perhaps even a rise in tourist numbers. New Zealand, for example, has seen an increase in tourism related to the 'Lord of the Rings' films, which were partly funded by government subsidies.

Đúng là phim nước ngoài phổ biến ở nhiều quốc gia hơn là những phim sản xuất trong nước. Có thể có một số lý do cho trường hợp này, và tôi tin rằng các chính phủ nên thúc đẩy làm phim địa phương bằng cách trợ cấp cho ngành công nghiệp này.

Có nhiều lý do khiến nhiều người thấy phim nước ngoài thú vị hơn những bộ phim được sản xuất tại chính đất nước họ. Thứ nhất, các ngành công nghiệp điện ảnh được thành lập ở một số quốc gia có ngân sách khổng lồ cho cảnh hành động, hiệu ứng đặc biệt và quay cảnh ở những địa điểm ngoạn mục. Các phim bom tấn của Hollywood như phim 'Avatar' hay các phim của James Bond là những ví dụ về những sản phẩm như vậy, và sự hấp dẫn toàn cầu của chúng là không thể phủ nhận. Một lý do khác khiến những bộ phim lớn này rất thành công là họ thường mời những diễn viên nam và nữ nổi tiếng nhất, và chúng được làm bởi những nhà sản xuất và đạo diễn xuất sắc nhất. Việc sản xuất phim chất lượng kém và kinh phí eo hẹp ở nhiều nước bị ảnh hưởng nếu so sánh với phim nước ngoài.

Theo quan điểm của tôi, các chính phủ nên hỗ trợ ngành công nghiệp điện ảnh địa phương về tài chính. Ở mỗi quốc gia, có thể có những nhà làm phim tài năng nghiệp dư người mà chỉ cần có cơ hội để chứng minh bản thân. Để cạnh tranh với các ngành phim ngân sách lớn từ nước ngoài, những người này cần tiền để trả cho các đoàn làm phim, diễn viên và một loạt các chi phí khác liên quan đến sản xuất phim chất lượng cao. Nếu các chính phủ giúp đỡ với những chi phí này, họ sẽ thấy sự gia tăng việc làm trong ngành công nghiệp điện ảnh, thu nhập từ việc bán phim và thậm chí có thể tăng số lượng khách du lịch. Ví dụ, New Zealand đã chứng kiến sự gia tăng về du lịch liên quan đến các bộ phim 'Chúa tể của những chiếc nhẫn', một phần được tài trợ bởi trợ cấp chính phủ.



In conclusion, I believe that increased financial support could help to raise the quality of locally made films and allow them to compete with the foreign productions that currently dominate the market.

Tóm lại, tôi tin rằng sự hỗ trợ tài chính tăng lên có thể giúp nâng cao chất lượng của các bộ phim được sản xuất tại địa phương và cho phép chúng cạnh tranh với các sản phẩm nước ngoài hiện đang chiếm lĩnh thị trường.



In the developed world, average life expectancy is increasing. What problems will this cause for individuals and society? Suggest some measures that could be taken to reduce the impact of ageing populations.

Trong thế giới phát triển, tuổi thọ trung bình ngày càng tăng. Các vấn đề này sẽ gây ra những gì cho cá nhân và xã hội? Đề xuất một số biện pháp có thể được thực hiện để giảm ảnh hưởng của dân số già.

It is true that people in industrialised nations can expect to live longer than ever before. Although there will undoubtedly be some **negative consequences** of this trend, societies can take steps to **mitigate** these potential problems.

As people live longer and the populations of developed countries grow older, several related problems can be anticipated. The main issue is that there will obviously be more people of retirement age who will be eligible to receive a pension. The proportion of younger, working adults will be smaller, and governments will therefore receive less money in taxes in relation to the size of the population. In other words, an ageing population will mean a greater tax burden for working adults. Further pressures will include a rise in the demand for healthcare, and the fact young adults will increasingly have to look after their elderly relatives.

There are several actions that governments could take to solve the problems described above. Firstly, a simple solution would be to increase the retirement age for working adults, perhaps from 65 to 70. Nowadays, people of this age tend to be healthy enough to continue a productive working life. A second measure would be for governments to encourage immigration in order to increase the number of working adults who pay taxes. Finally, money from national budgets will need to be taken from other areas and spent on vital healthcare, accommodation and transport facilities for the rising numbers of older citizens.

In conclusion, various measures can be taken to tackle the problems that are certain to arise as the populations of countries grow older.

Đúng là những người ở các quốc gia công nghiệp có thể mong đợi sống lâu hơn bao giờ hết. Mặc dù chắc chắn sẽ có một số hậu quả tiêu cực của xu hướng này, xã hội có thể thực hiện các bước để giảm thiểu những vấn đề tiềm ẩn này.

Khi mọi người sống lâu hơn và dân số của các nước phát triển già đi, một số vấn đề liên quan có thể được dự đoán. Vấn đề chính là rõ ràng sẽ có nhiều người ở tuổi nghỉ hưu, những người sẽ đủ điều kiện nhận trợ cấp. Tỷ lệ phần trăm người trẻ, người lớn làm việc sẽ nhỏ hơn, và do đó chính phủ sẽ nhận được ít tiền thuế hơn so với quy mô dân số. Nói cách khác, dân số già hóa sẽ có nghĩa là gánh nặng thuế lớn hơn đối với người lớn làm việc. Áp lực tiếp theo sẽ bao gồm sự gia tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, và thực tế người lớn sẽ ngày càng phải chăm sóc người thân cao tuổi của họ.

Có một số hành động mà chính phủ có thể thực hiện để giải quyết các vấn đề được mô tả ở trên. Thứ nhất, một giải pháp đơn giản là tăng tuổi nghỉ hưu cho người lớn làm việc, có lẽ từ 65 đến 70. Ngày nay, những người ở độ tuổi này có xu hướng đủ khỏe mạnh để tiếp tục một cuộc sống làm việc hiệu quả. Một biện pháp thứ hai cho chính phủ sẽ là khuyến khích nhập cư để tăng số lượng người lớn làm việc nộp thuế. Cuối cùng, tiền từ ngân sách quốc gia sẽ cần phải được lấy từ các lĩnh vực khác và chi cho các cơ sở y tế, chỗ ở và phương tiện giao thông cho số lượng ngày càng tăng của công dân lớn tuổi.

Tóm lại, các biện pháp khác nhau có thể được thực hiện để giải quyết các vấn đề mà chắc chắn phát sinh khi dân số các nước già đi.



Explain some of the ways in which humans are damaging the environment. What can governments do to address these problems? What can individual people do?

Giải thích một số cách thức mà con người gây hại cho môi trường. Chính phủ có thể làm gì để giải quyết những vấn đề này? Cá nhân có thể làm gì?

Humans are responsible for a variety of environmental problems, but we can also take steps to reduce the damage that we are causing to the planet. This essay will discuss environmental problems and the measures that governments and individuals can take to address these problems.

Two of the biggest threats to the environment are air pollution and waste. **Gas emissions** from factories and **exhaust fumes** from vehicles lead to global warming, which may **have a devastating effect on** the planet in the future. As the human population increases, we are also producing ever greater quantities of waste, which **contaminates** the earth and pollutes rivers and oceans.

Governments could certainly make more effort to reduce air pollution. They could introduce laws to limit emissions from factories or to force companies to use renewable energy from solar, wind or water power. They could also impose 'green taxes' on drivers and airline companies. In this way, people would be encouraged to use public transport and to take fewer flights abroad, therefore reducing emissions.

Individuals should also take responsibility for the impact they have on the environment. They can take public transport rather than driving, choose products with less packaging, and recycle as much as possible. Most supermarkets now provide reusable bags for shoppers as well as 'banks' for recycling glass, plastic and paper in their car parks. By reusing and recycling, we can help to reduce waste.

In conclusion, both national governments and individuals must play their part in looking after the environment.

Con người chịu trách nhiệm cho hàng loạt các vấn đề môi trường, nhưng chúng ta cũng có thể thực hiện các bước để giảm thiệt hại mà chúng ta đang gây ra cho trái đất. Bài văn này sẽ thảo luận các vấn đề môi trường và các biện pháp mà các chính phủ và cá nhân có thể thực hiện để giải quyết những vấn đề này.

Hai trong số các mối đe dọa lớn nhất đối với môi trường là ô nhiễm không khí và chất thải. Khí thải từ các nhà máy và khí thải từ xe dẫn đến sự nóng lên toàn cầu, có thể có tác động tàn phá trên trái đất trong tương lai. Khi dân số tăng lên, chúng ta cũng đang sản xuất lượng chất thải lớn hơn, làm ô nhiễm trái đất và gây ô nhiễm cho các con sông và đại dương.

Chính phủ chắc chắn có thể nỗ lực hơn nữa để giảm ô nhiễm không khí. Họ có thể ban hành luật để hạn chế lượng khí thải từ các nhà máy hoặc buộc các công ty sử dụng năng lượng tái tạo từ năng lượng mặt trời, gió hoặc nước. Họ cũng có thể áp đặt 'thuế xanh' trên các lái xe và các công ty hàng không. Bằng cách này, mọi người sẽ được khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng và để có ít chuyến bay ra nước ngoài hơn, do đó giảm lượng khí thải.

Các cá nhân cũng phải chịu trách nhiệm về tác động của họ đối với môi trường. Họ có thể chọn phương tiện công cộng thay vì lái xe, chọn sản phẩm có ít bao bì hơn và tái chế càng nhiều càng tốt. Hầu hết các siêu thị hiện nay cung cấp túi tái sử dụng cho người mua sắm cũng như 'ngân hàng' cho việc tái chế thủy tinh, nhựa và giấy trong bãi đậu xe của họ. Bằng cách tái sử dụng và tái chế, chúng ta có thể giúp giảm lãng phí.

Tóm lại, cả chính phủ và cá nhân đều phải đóng vai trò quan tâm bảo vệ đến môi trường.



DISCUSS BOTH VIEWS + OPINION

Some people believe that school children should not be given homework by their teachers, whereas others argue that homework plays an important role in the education of children. Discuss both of these views and give your own opinion.

Một số người tin rằng học sinh không nên được giáo viên cho bài tập về nhà, trong khi những người khác cho rằng bài tập ở nhà đóng một vai trò quan trọng trong việc giáo dục trẻ em. Thảo luận về cả hai quan điểm này và đưa ra ý kiến của riêng bạn.

People's opinions differ as to whether or not school children should be given homework. While there are some strong arguments against the setting of homework, I still believe that it is a necessary aspect of education.

There are several reasons why people might argue that homework is an unnecessary burden on children. Firstly, there is evidence to support the idea that homework does nothing to improve educational outcomes. Countries such as Finland, where school children are not given homework, regularly top international educational league tables and outperform nations where setting homework is the norm. Secondly, many parents would agree that the school day is already long enough, and leaves their children too tired to do further study when they return home. Finally, it is recognised that play time is just as beneficial as study time from the perspective of brain development.

In spite of the above arguments, I support the view that homework has an important role to play in the schooling of children. The main benefit of homework is that it encourages independent learning and problem solving, as children are challenged to work through tasks alone and at their own pace. In doing so, students must apply the knowledge that they have learnt in the classroom. For example, by doing mathematics exercises at home, students consolidate their understanding of the concepts taught by their teacher at school. In my view, it is important for children to develop an independent study habit because this prepares them to work alone as adults.

In conclusion, homework certainly has its

Ý kiến của mọi người khác nhau về việc học sinh nên hay không nên được giao bài tập về nhà. Trong khi có một số lập luận mạnh mẽ chống lại sự thiết lập của bài tập về nhà, tôi vẫn tin rằng nó là một khía cạnh cần thiết của giáo dục.

Có nhiều lý do tại sao mọi người có thể tranh luận rằng bài tập về nhà là một gánh nặng không cần thiết đối với trẻ em. Thứ nhất, có bằng chứng để hỗ trợ ý tưởng rằng bài tập về nhà không làm cải thiện kết quả giáo dục. Các quốc gia như Phần Lan, nơi trẻ em đi học không được giao bài tập về nhà, thường xuyên xếp hạng các bảng giáo dục quốc tế hàng đầu và thể hiện tốt hơn các quốc gia nơi mà bài tập về nhà là điều tất yếu. Thứ hai, nhiều bậc cha mẹ cũng đồng ý rằng ngày học đã đủ dài, và làm con cái họ quá mệt mỏi không thể học thêm khi chúng trở về nhà. Cuối cùng, người ta công nhận rằng thời gian chơi cũng có lợi như là thời gian học từ quan điểm của sự phát triển não bô.

Mặc dù các bình luận trên, tôi ủng hộ quan điểm rằng bài tập về nhà có vai trò quan trọng trong việc học của trẻ em. Lợi ích chính của bài tập ở nhà là nó khuyến khích việc việc tự học và giải quyết vấn đề, vì trẻ em được thử thách để làm việc thông qua các bài tập một mình và ở không gian của riêng chúng. Khi làm như vậy, học viên phải áp dụng kiến thức mà chúng đã học được trong lớp học. Ví dụ, bằng cách thực hiện các bài tập toán ở nhà, học sinh củng cố sự hiểu biết của chúng về các khái niệm được giảng dạy bởi giáo viên ở trường. Theo quan điểm của tôi, điều quan trọng là trẻ em phải phát triển một thói quen học tập độc lập bởi vì điều này chuẩn bị cho chúng làm việc một mình như người lớn.

Tóm lại, bài tập về nhà chắc chắn có những hạn



drawbacks, but I believe that the benefits chế của nó, nhưng tôi tin rằng những lợi ích lớn outweigh them in the long term. hơn những hạn chế này trong dài hạn.



In many countries, a small number of people earn extremely high salaries. Some people believe that this is good for the country, but others think that governments should not allow salaries above a certain level. Discuss both these views and give your own opinion.

Ở nhiều nước, một số ít người có mức lương rất cao. Một số người tin rằng điều này là tốt cho đất nước, nhưng những người khác nghĩ rằng chính phủ không nên cho phép tiền lương trên một mức độ nhất định. Thảo luận cả hai quan điểm này và đưa ra ý kiến của riêng bạn.

People have different views about whether governments should introduce a maximum wage. While in some ways it may seem reasonable to allow people to earn as much as companies are willing to pay, I personally believe that employee remuneration should be capped at a certain level.

There are various reasons why it might be considered beneficial to allow people to be paid extremely high salaries. If companies offer excellent pay packages, they can attract the most talented people in their fields to work for them. For example, technology companies like Google are able to employ the best programmers because of the huge sums that they are willing to pay. Furthermore, these well-paid employees are likely to be highly motivated to work hard and therefore drive their businesses successfully. In theory, this should result in a thriving economy and increased tax revenues, which means that paying high salaries benefits everyone.

However, I agree with those who argue that there should be a maximum wage. By introducing a limit on earnings, the pay-gap between bosses and employees can be reduced. Currently, the difference between normal and top salaries is huge, and this can demotivate workers who feel that the situation is unfair. With lower executive salaries, it might become feasible to introduce higher minimum wages, and everybody would be better off. One possible consequence of greater equality could be that poverty and crime rates fall because the general population will experience an improved standard of living.

In conclusion, it seems to me that it would be

Mọi người có quan điểm khác nhau về việc liệu chính phủ có nên ban hành mức lương tối đa hay không. Mặc dù ở một số khía cạnh có vẻ hợp lý để cho phép mọi người kiếm được càng nhiều tiền như các công ty sẵn sàng trả, cá nhân tôi tin rằng tiền công của nhân viên nên bị giới hạn ở một mức nhất định.

Có nhiều lý do tại sao có thể được coi là có lợi khi cho phép mọi người được trả lương rất cao. Nếu các công ty cung cấp các gói trả tiền cao, họ có thể thu hút những người tài năng nhất trong lĩnh vực của họ để làm việc cho họ. Ví dụ, các công ty công nghệ như Google có thể thuê những lập trình viên giỏi nhất vì số tiền khổng lồ mà họ sẵn sàng chi trả. Hơn nữa, những nhân viên được trả lương cao này có thể có động lực cao để làm việc chăm chỉ và do đó thúc đẩy doanh nghiệp của họ thành công. Về lý thuyết, điều này sẽ dẫn đến một nền kinh tế phát triển mạnh và tăng thu thuế, có nghĩa là trả lương cao sẽ mang lại lợi ích cho tất cả mọi người.

Tuy nhiên, tôi đồng ý với những người cho rằng cần phải có mức lương tối đa. Bằng cách ban hành một giới hạn về thu nhập, khoảng cách tiền lương giữa các ông chủ và nhân viên có thể giảm xuống. Hiện nay, sự khác biệt giữa lương bình thường và tiền lương hàng đầu là rất lớn, và điều này có thể làm mất tinh thần những người lao động cảm thấy rằng tình cảnh này là không công bằng. Với mức lương điều hành thấp hơn, có thể khả thi để ban hành mức lương tối thiểu cao hơn, và mọi người sẽ được hưởng lợi hơn. Một kết quả có thể có của sự bình đẳng lớn hơn là tỷ lệ nghèo đói và tội phạm giảm vì dân số nói chung sẽ trải nghiệm một mức sống được cải thiên.

Tóm lại, có vẻ như với tôi rằng sẽ tốt hơn, trên sự



better, on balance, for governments to set a limit on the wages of the highest earners in society.

cân bằng, cho các chính phủ để thiết lập một giới hạn về tiền lương của những người có thu nhập cao nhất trong xã hội.



Some people think that all university students should study whatever they like. Others believe that they should only be allowed to study subjects that will be useful in the future, such as those related to science and technology. Discuss both these views and give your own opinion.

Một số người nghĩ rằng tất cả sinh viên đại học nên học bất cứ môn gì họ thích. Những người khác tin rằng họ chỉ nên được phép học các môn học có ích trong tương lai, chẳng hạn như những môn liên quan đến khoa học và công nghệ. Thảo luận cả hai quan điểm này và đưa ra ý kiến của riêng bạn.

People have different views about how much choice students should have with regard to what they can study at university. While some argue that it would be better for students to be forced into certain key subject areas, I believe that everyone should be able to study the course of their choice.

There are various reasons why people believe that universities should only offer subjects that will be useful in the future. They may assert that university courses like medicine, engineering and information technology are more likely to be beneficial than certain art degrees. From a personal perspective, it can be argued that these courses provide more job opportunities, career progression, better salaries, and therefore an improved quality of life for students who take them. On the societal level, by forcing people to choose particular university subjects, governments can ensure that any knowledge and skill gaps in the economy are covered. Finally, a focus on technology in higher education could lead to new inventions, economic growth, and greater future prosperity.

In spite of these arguments, I believe that university students should be free to choose their preferred areas of study. In my opinion, society will benefit more if our students are passionate about what they are learning.

Besides, nobody can really predict which areas of knowledge will be most useful to society in the future, and it may be that employers begin to value creative thinking skills above practical or technical skills. If this were the case, perhaps we would need more students of art, history and philosophy than of science or technology.

In conclusion, although it might seem sensible

Mọi người có quan điểm khác nhau về mức độ lựa chọn của sinh viên đối với những gì họ có thể học tại trường đại học. Trong khi một số người cho rằng sẽ tốt hơn nếu sinh viên bị bắt buộc vào một số môn học chính yếu nhất định, tôi tin rằng mọi người có thể học khóa học mà họ tự chọn lưa.

Có nhiều lý do tại sao mọi người tin rằng các trường đại học chỉ nên cung cấp các môn học sẽ hữu ích trong tương lai. Họ có thể khẳng định rằng các khóa học đại học như y học, kỹ thuật và công nghệ thông tin có nhiều khả năng mang lại lợi ích hơn một số bằng nghệ thuật nhất định. Từ quan điểm cá nhân, có thể lập luận rằng các khóa học này cung cấp nhiều cơ hội việc làm, tiến bộ nghề nghiệp, lương cao hơn, và do đó cải thiện chất lượng cuộc sống cho những sinh viên người mà lựa chọn những môn đó. Về mặt xã hội, bằng cách buộc mọi người chọn các môn học đại học cụ thể, chính phủ có thể đảm bảo rằng bất kỳ khoảng cách về kiến thức và kỹ năng nào trong nền kinh tế đều được bao quát. Cuối cùng, tập trung vào công nghệ trong giáo dục đại học có thể dẫn đến những phát minh mới, tăng trưởng kinh tế và sự thịnh vượng trong tương lai.

Bất chấp những lập luận này, tôi tin rằng sinh viên đại học nên tự do lựa chọn các lĩnh vực học tập ưa thích của họ. Theo tôi, xã hội sẽ có lợi nhiều hơn nếu sinh viên của chúng ta có đam mê về những gì họ đang học. Bên cạnh đó, không ai có thể dự đoán những lĩnh vực tri thức nào sẽ hữu ích nhất cho xã hội trong tương lai, và có thể là nhà tuyển dụng bắt đầu đánh giá cao các kỹ năng tư duy sáng tạo hơn là các kỹ năng thực hành hoặc kỹ thuật. Nếu đúng như vậy, có lẽ chúng ta sẽ cần nhiều sinh viên nghệ thuật, lịch sử và triết học hơn là khoa học hay công nghệ.

Tóm lại, mặc dù nó có vẻ hợp lý để các trường



for universities to focus only on the most useful subjects, I personally prefer the current system in which people have the right to study whatever they like.

đại học chỉ tập trung vào các môn học hữu ích nhất, cá nhân tôi thích hệ thống hiện tại cái mà mọi người có quyền học bất cứ điều gì họ thích.



Some people think that strict punishments for driving offences are the key to reducing traffic accidents. Others, however, believe that other measures would be more effective in improving road safety. Discuss both these views and give your own opinion.

Một số người nghĩ rằng những hình phạt nghiêm khắc đối với tội phạm lái xe là chìa khóa để giảm tai nạn giao thông. Tuy nhiên, những người khác tin rằng các biện pháp khác sẽ hiệu quả hơn trong việc cải thiện an toàn giao thông. Thảo luận cả hai quan điểm này và đưa ra ý kiến của riêng bạn.

People have differing views with regard to the question of how to make our roads safer. In my view, both punishments and a range of other measures can be used together to promote better driving habits.

On the one hand, strict punishments can certainly help to encourage people to drive more safely. Penalties for dangerous drivers can act as a deterrent, meaning that people avoid repeating the same offence. There are various types of driving penalty, such as small fines, licence suspension, driver awareness courses, and even prison sentences. The aim of these punishments is to show dangerous drivers that their actions have negative consequences. As a result, we would hope that drivers become more disciplined and alert, and that they follow the rules more carefully.

On the other hand, I believe that safe driving can be promoted in several different ways that do not punish drivers. Firstly, it is vitally important to educate people properly before they start to drive, and this could be done in schools or even as part of an extended or more difficult driving test. Secondly, more attention could be paid to safe road design. For example, signs can be used to warn people, speed bumps and road bends can be added to calm traffic, and speed cameras can help to deter people from driving too quickly. Finally, governments or local councils could reduce road accidents by investing in better public transport, which would mean that fewer people would need to travel by car.

Mọi người có quan điểm khác nhau liên quan đến câu hỏi về cách làm cho con đường của chúng ta an toàn hơn. Theo quan điểm của tôi, cả hình phạt và một loạt các biện pháp khác có thể được sử dụng cùng nhau để thúc đẩy thói quen lái xe tốt hơn.

Một mặt, những hình phạt nghiêm khắc chắc chắn có thể giúp khuyến khích mọi người lái xe an toàn hơn. Hình phạt cho những người lái xe nguy hiểm có thể hành động như một sự ngăn cản, có nghĩa là mọi người tránh lặp lại cùng một hành vi phạm tội. Có nhiều loại hình phạt lái xe khác nhau, chẳng hạn như tiền phạt nhỏ, đình chỉ giấy phép, khóa học nâng cao nhận thức và thậm chí là án tù. Mục đích của những hình phạt này là để cho những người lái xe nguy hiểm thấy rằng hành động của họ có những hậu quả tiêu cực. Kết quả là, chúng tôi hy vọng rằng những người lái xe trở nên có kỷ luật và cảnh giác hơn, và rằng họ tuân thủ các quy tắc cẩn thận hơn.

Mặt khác, tôi tin rằng lái xe an toàn có thể được khuyến khích theo nhiều cách khác nhau mà không trừng phạt người lái xe. Thứ nhất, điều quan trọng là phải giáo dục con người đúng cách trước khi họ bắt đầu lái xe, và điều này có thể được thực hiện trong các trường học hoặc thậm chí là một phần của bài kiểm tra lái xe mở rộng hoặc khó khăn hơn. Thứ hai, có thể chú ý nhiều hơn đến thiết kế đường an toàn. Ví dụ, các biển báo có thể được sử dụng để cảnh báo mọi người, các gờ giảm tốc độ và các đoạn đường cong có thể được thêm vào để giữ bình ổn giao thông và camera tốc độ có thể giúp ngăn chặn mọi người lái xe quá nhanh. Cuối cùng, các chính phủ hoặc hội đồng địa phương có thể giảm tai nạn giao thông bằng cách đầu tư vào phương tiện giao thông công cộng tốt hơn, điều đó có nghĩa là ít người sẽ phải đi bằng xe hơi hơn.



In conclusion, while punishments can help to prevent bad driving, I believe that other road safety measures should also be introduced.

Tóm lại, trong khi các hình phạt có thể giúp ngăn chặn lái xe ẩu thả, tôi tin rằng các biện pháp an toàn đường bộ khác cũng nên được ban hành.



Many governments think that economic progress is their most important goal. Some people, however, think that other types of progress are equally important for a country. is iscuss both these views and give your own opinion.

Nhiều chính phủ cho rằng tiến bộ kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của họ. Tuy nhiên, một số người cho rằng các loại tiến bộ khác cũng quan trọng không kém đối với một quốc gia. Thảo luận cả hai quan điểm này và đưa ra ý kiến của riêng bạn.

People have different views about how governments should measure their countries' progress. While economic progress is of course essential, I agree with those who believe that other measures of progress are just as important.

There are three key reasons why economic growth is seen as a fundamental goal for countries. Firstly, a healthy economy results in job creation, a high level of employment, and better salaries for all citizens. Secondly, economic progress ensures that more money is available for governments to spend on infrastructure and public services. For example, a government with higher revenues can invest in the country's transport network, its education system and its hospitals. Finally, a strong economy can help a country's standing on the global stage, in terms of its political influence and trading power.

However, I would argue that various other forms of progress are just as significant as the economic factors mentioned above. In particular, we should consider the area of social justice, human rights, equality and democracy itself. For example, the treatment of minority groups is often seen as a reflection of the moral standards and level of development of a society. Perhaps another key consideration when judging the progress of a modern country should be how well that country protects the natural environment, and whether it is moving towards environmental sustainability. Alternatively, the success of a nation could be measured by looking at the health, well-being and happiness of its residents.

In conclusion, the economy is obviously a key marker of a country's success, but social, environmental and health criteria are equally Mọi người có quan điểm khác nhau về cách các chính phủ nên đo lường sự tiến bộ của các nước họ. Mặc dù tiến bộ kinh tế là hiển nhiên quan trọng, tôi đồng ý với những người tin rằng các cách đo lường tiến bộ khác cũng quan trọng.

Có ba lý do chính khiến tăng trưởng kinh tế được xem là mục tiêu cơ bản cho các quốc gia. Thứ nhất, một nền kinh tế lành mạnh dẫn đến việc tạo việc làm, mức độ làm việc cao và lương cao hơn cho tất cả mọi người dân. Thứ hai, tiến bộ kinh tế đảm bảo rằng có nhiều tiền hơn cho các chính phủ chi cho cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công cộng. Ví dụ, một chính phủ có doanh thu cao hơn có thể đầu tư vào mạng lưới giao thông của đất nước, hệ thống giáo dục và các bệnh viện của đất nước. Cuối cùng, một nền kinh tế mạnh có thể giúp một quốc gia đứng trên sân khấu toàn cầu, về ảnh hưởng chính trị và sức mạnh kinh doanh.

Tuy nhiên, tôi cho rằng các hình thức tiến bộ khác nhau cũng quan trọng như các yếu tố kinh tế được đề cập ở trên. Đặc biệt, chúng ta nên xem xét lĩnh vực công bằng xã hội, nhân quyền, bình đẳng và dân chủ. Ví dụ, việc ứng xử với các nhóm thiểu số thường được xem như là một sự phản ánh các tiêu chuẩn đạo đức và mức độ phát triển của một xã hội. Có lẽ một yếu tố quan trọng khác khi đánh giá sự tiến bộ của một quốc gia hiện đại phải là quốc gia đó bảo vệ môi trường tự nhiên tốt như thế nào và liệu nó có đang hướng tới sự bền vững về môi trường hay không. Ngoài ra, sự thành công của một quốc gia có thể được đo lường bằng cách nhìn vào sức khỏe, sự thịnh vượng và hạnh phúc của cư dân của họ.

Tóm lại, nền kinh tế rõ ràng là một dấu mốc quan trọng cho sự thành công của một quốc gia, nhưng các tiêu chí về xã hội, môi trường và sức



significant. khỏe cũng có ý nghĩa quan trọng như nhau.



Some people think that in the modern world we are more dependent on each other, while others think that people have become more independent. Discuss both views and give your own opinion.

Một số người nghĩ rằng trong thế giới hiện đại, chúng ta phụ thuộc vào nhau nhiều hơn, trong khi những người khác nghĩ rằng mọi người đã trở nên độc lập hơn. Thảo luận cả hai quan điểm và đưa ra ý kiến của riêng bạn.

People have different views about whether we are more or less dependent on others nowadays. In my view, modern life forces us to be more independent than people were in the past.

There are two main reasons why it could be argued that we are more dependent on each other now. Firstly, life is more complex and difficult, especially because the cost of living has increased so dramatically. For example, young adults tend to rely on their parents for help when buying a house. Property prices are higher than ever, and without help it would be impossible for many people to pay a deposit and a mortgage. Secondly, people seem to be more ambitious nowadays, and they want a better quality of life for their families. This means that both parents usually need to work full-time, and they depend on support from grandparents and babysitters for child care.

However, I would agree with those who believe that people are more independent these days. In most countries, families are becoming smaller and more dispersed, which means that people cannot count on relatives as much as they used to. We also have more freedom to travel and live far away from our home towns. For example, many students choose to study abroad instead of going to their local university, and this experience makes them more independent as they learn to live alone. Another factor in this growing independence is technology, which allows us to work alone and from any part of the world.

In conclusion, while there are some reasons to believe that people now depend on each other more, my own view is that we are more independent than ever. Mọi người có quan điểm khác nhau về việc liệu chúng ta ngày nay phụ thuộc nhiều hơn hay ít hơn vào người khác. Theo quan điểm của tôi, cuộc sống hiện đại buộc chúng ta phải độc lập hơn những người trong quá khứ.

Có hai lý do chính tại sao có thể lập luận rằng chúng ta ngày càng lệ thuộc vào nhau hơn. Thứ nhất, cuộc sống phức tạp và khó khăn hơn, đặc biệt là vì chi phí sinh hoạt tăng lên đáng kể. Ví dụ, thanh niên có xu hướng dựa vào bố mẹ để được giúp đỡ khi mua nhà. Giá bất động sản cao hơn bao giờ hết, và nếu không có sự giúp đỡ, sẽ là điều không thể cho nhiều người khi chi trả tiền đặt cọc và thế chấp. Thứ hai, người ta có vẻ ngày càng tham vọng hơn, và họ muốn có một cuộc sống tốt hơn cho gia đình của họ. Điều này có nghĩa là cả cha mẹ thường xuyên phải làm việc toàn thời gian, và họ phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ ông bà và người giữ trẻ để chăm sóc con cái.

Tuy nhiên, tôi sẽ đồng ý với những người tin rằng ngày nay mọi người độc lập hơn. Ở hầu hết các quốc gia, các gia đình đang trở nên nhỏ hơn và phân tán hơn, có nghĩa là mọi người không thể trông cậy vào người thân nhiều như họ đã từng. Chúng ta cũng có nhiều tự do hơn để đi du lịch và sống xa quê hương của chúng ta. Ví dụ, nhiều sinh viên chọn du học thay vì đi đến trường đại học địa phương của họ, và kinh nghiệm này làm cho họ độc lập hơn khi họ học cách sống một mình. Một yếu tố khác trong sự độc lập ngày càng tăng này là công nghệ, cái mà cho phép chúng ta làm việc một mình và từ bất kỳ nơi nào trên thế giới.

Tóm lại, trong khi có một số lý do để tin rằng bây giờ mọi người phụ thuộc vào nhau nhiều hơn, quan điểm của riêng tôi là chúng ta độc lập hơn bao giờ hết.



Some people think that governments should give financial support to creative artists such as painters and musicians. Others believe that creative artists should be funded by alternative sources. Discuss both views and give your own opinion.

Một số người nghĩ rằng các chính phủ nên hỗ trợ tài chính cho các nghệ sĩ sáng tạo như họa sĩ và nhạc sĩ. Những người khác tin rằng các nghệ sĩ sáng tạo nên được tài trợ bởi các nguồn khác. Thảo luận cả hai quan điểm và đưa ra ý kiến của riêng bạn.

People have different views about the funding of creative artists. While some people disagree with the idea of government support for artists, I believe that money for art projects should come from both governments and other sources.

Mọi người có quan điểm khác nhau về việc tài trợ của các nghệ sĩ sáng tạo. Trong khi một số người không đồng ý với ý tưởng hỗ trợ của chính phủ cho các nghệ sĩ, tôi tin rằng tiền cho các dự án nghệ thuật nên đến từ cả chính phủ và các nguồn khác.

Some art projects definitely require help from the state. In the UK, there are many works of art in public spaces, such as streets or squares in city centres. In Liverpool, for example, there are several new statues and sculptures in the docks area of the city, which has been redeveloped recently. These artworks represent culture, heritage and history. They serve to educate people about the city, and act as landmarks or talking points for visitors and tourists.

Governments and local councils should pay creative artists to produce this kind of art, because without their funding our cities would be much less interesting and attractive.

Một số dự án nghệ thuật chắc chắn yêu cầu sự giúp đỡ từ nhà nước. Ở Anh, có nhiều tác phẩm nghệ thuật ở khu vực công cộng, chẳng hạn như đường phố hoặc quảng trường ở trung tâm thành phố. Ví dụ, ở Liverpool, có một số bức tượng và tác phẩm điệu khắc mới trong khu vực bến cảng của thành phố, đã được tái phát triển gần đây. Những tác phẩm nghệ thuật này đại diện cho văn hóa, di sản và lịch sử. Họ phục vụ để giáo dục mọi người về thành phố, và hoạt động như các địa danh hoặc điểm nói chuyện cho người đến tham quan và khách du lịch. Chính phủ và hội đồng địa phương nên trả tiền cho các nghệ sĩ sáng tạo để sản xuất loại nghệ thuật này, bởi vì không có kinh phí của họ, các thành phố của chúng ta sẽ kém hấp dẫn và thu hút.

On the other hand, I can understand the arguments against government funding for art. The main reason for this view is that governments have more important concerns. For example, state budgets need to be spent on education, healthcare, infrastructure and security, among other areas. These public services are vital for a country to function properly, whereas the work of creative artists, even in public places, is a luxury. Another reason for this opinion is that artists do a job like any other professional, and they should therefore earn their own money by selling their work.

Mặt khác, tôi có thể hiểu được lập luận chống lại việc tài trợ của chính phủ cho nghệ thuật. Lý do chính cho quan điểm này là các chính phủ có mối quan tâm quan trọng hơn. Ví dụ, ngân sách nhà nước cần phải được chi cho giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng và an ninh, và các lĩnh vực khác. Những dịch vụ công cộng này rất quan trọng đối với một quốc gia để hoạt động đúng, trong khi công việc của các nghệ sĩ sáng tạo, ngay cả ở những nơi công cộng, là một sự xa hoa. Một lý do khác cho ý kiến này là các nghệ sĩ làm một công việc như bất kỳ những người trong lĩnh vực khác, và do đó họ nên kiếm tiền bằng cách bán tác phẩm của ho.

In conclusion, there are good reasons why artists should rely on alternative sources of financial support, but in my opinion government help is Tóm lại, có nhiều lý do tại sao các nghệ sĩ nên dựa vào các nguồn hỗ trợ tài chính thay thế, nhưng theo ý kiến của tôi, đôi khi sự giúp đỡ của



sometimes necessary. chính phủ là cần thiết.



Nowadays animal experiments are widely used to develop new medicines and to test the safety of other products. Some people argue that these experiments should be banned because it is morally wrong to cause animals to suffer, while others are in favour of them because of their benefits to humanity. Discuss both views and give your own opinion.

Ngày nay các thí nghiệm trên động vật được sử dụng rộng rãi để phát triển các loại thuốc mới và để kiểm tra sự an toàn của các sản phẩm khác. Một số người cho rằng những thí nghiệm này nên bị cấm vì nó sai về mặt đạo đức khi làm cho động vật phải chịu đựng, trong khi những người khác ủng hộ các thí nghiệm này vì lợi ích của chúng đối với nhân loại. Thảo luận cả hai quan điểm và đưa ra ý kiến của bạn.

It is true that medicines and other products are routinely tested on animals before they are cleared for human use. While I tend towards the viewpoint that animal testing is morally wrong, I would have to support a limited amount of animal experimentation for the development of medicines.

On the one hand, there are clear ethical arguments against animal experimentation. To use a common example of this practice, laboratory mice may be given an illness so that the effectiveness of a new drug can be measured. Opponents of such research argue that humans have no right to subject animals to this kind of trauma, and that the lives of all creatures should be respected. They believe that the benefits to humans do not justify the suffering caused, and that scientists should use alternative methods of research.

On the other hand, reliable alternatives to animal experimentation may not always be available. Supporters of the use of animals in medical research believe that a certain amount of suffering on the part of mice or rats can be justified if human lives are saved. They argue that opponents of such research might feel differently if a member of their own families needed a medical treatment that had been developed through the use of animal experimentation. Personally, I agree with the banning of animal testing for non-medical products, but I feel that it may be a necessary evil where new drugs and medical procedures are concerned.

In conclusion, it seems to me that it would be

Đúng là thuốc và các sản phẩm khác được kiểm tra thường xuyên trên động vật trước khi chúng được sử dụng cho con người. Trong khi tôi hướng tới quan điểm rằng thử nghiệm động vật là sai về mặt đạo đức, tôi sẽ phải ủng hộ cho sự giới hạn số lượng thử nghiệm trên động vật cho sự phát triển của y tế.

Một mặt, có những lập luận đạo đức rõ ràng chống lại thử nghiệm động vật. Để lấy một ví dụ phổ biến của thực hành này, chuột thí nghiệm có thể được đưa vào người một loại bệnh để có thể đo lường hiệu quả của một loại thuốc mới.

Những người phản đối nghiên cứu như vậy cho rằng con người không có quyền bắt động vật đối mặt với loại chấn thương này, và rằng cuộc sống của tất cả các sinh vật nên được tôn trọng. Họ tin rằng những lợi ích cho con người không biện minh cho sự đau khổ gây ra, và các nhà khoa học nên sử dụng các phương pháp nghiên cứu thay thế khác.

Mặt khác, các phương án thay thế đáng tin cậy để thử nghiệm động vật có thể không phải lúc nào cũng có sẵn. Những người ủng hộ việc sử dụng động vật trong nghiên cứu y học tin rằng một lượng đau khổ nhất định trên một phần của chuột có thể được biện minh nếu cuộc sống của con người được cứu. Họ lập luận rằng những người phản đối nghiên cứu này có thể sẽ cảm thấy khác nếu một thành viên trong gia đình của họ cần một sự điều trị y tế đã được phát triển thông qua việc sử dụng thử nghiệm động vật. Cá nhân tôi đồng ý với việc cấm thử nghiệm động vật cho các sản phẩm phi y tế, nhưng tôi cảm thấy rằng có thể là một điều ác cần thiết, nơi các loại thuốc mới và thủ tục y tế được xem xét.

Tóm lại, có vẻ như với tôi rằng việc cấm thử



wrong to ban testing on animals for vital medical research until equally effective alternatives have been developed.

nghiệm trên động vật để nghiên cứu y tế quan trọng là sai lầm cho đến khi các giải pháp thay thế có hiệu quả như vậy được phát triển.



Some people think that museums should be enjoyable places to entertain people, while others believe that the purpose of museums is to educate. Discuss both views and give your own opinion.

Một số người nghĩ rằng bảo tàng nên là nơi thú vị để giải trí mọi người, trong khi những người khác tin rằng mục đích của bảo tàng là để giáo dục. Thảo luận cả hai quan điểm và đưa ra ý kiến của riêng bạn.

People have different views about the role and function of museums. In my opinion, museums can and should be both entertaining and educational.

On the one hand, it can be argued that the main role of a museum is to entertain. Museums are tourist attractions, and their aim is to exhibit a collection of interesting objects that many people will want to see. The average visitor may become bored if he or she has to read or listen to too much educational content, so museums often put more of an emphasis on enjoyment rather than learning. This type of museum is designed to be visually spectacular, and may have interactive activities or even games as part of its exhibitions.

On the other hand, some people argue that museums should focus on education. The aim of any exhibition should be to teach visitors something that they did not previously know. Usually this means that the history behind the museum's exhibits needs to be explained, and this can be done in various ways. Some museums employ professional guides to talk to their visitors, while other museums offer headsets so that visitors can listen to detailed commentary about the exhibition. In this way, museums can play an important role in teaching people about history, culture, science and many other aspects of life.

In conclusion, it seems to me that a good museum should be able to offer an interesting, enjoyable and educational experience so that people can have fun and learn something at the same time.

Mọi người có quan điểm khác nhau về vai trò và chức năng của bảo tàng. Theo tôi, các viện bảo tàng có thể và nên vừa giải trí vừa mang tính giáo dục.

Một mặt, có thể lập luận rằng vai trò chính của một bảo tàng là để giải trí. Bảo tàng là những điểm thu hút khách du lịch và mục tiêu của chúng là trưng bày một bộ sưu tập các đồ vật thú vị mà nhiều người sẽ muốn xem. Lượng khách tham quan trung bình có thể trở nên chán nếu họ phải đọc hoặc nghe quá nhiều nội dung giáo dục, vì vậy các bảo tàng thường chú trọng hơn vào việc thưởng thức hơn là học tập. Loại bảo tàng này được thiết kế mang tính trực quan ngoạn mục và có thể có các hoạt động tương tác hoặc thậm chí là trò chơi như là một phần của triển lãm.

Mặt khác, một số người cho rằng các viện bảo tàng nên tập trung vào giáo dục. Mục đích của bất kỳ triển lãm nào là để dạy cho du khách một điều gì đó mà trước đây họ chưa biết. Thông thường điều này có nghĩa là lịch sử đằng sau các cuộc triển lãm của bảo tàng cần được giải thích và điều này có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau. Một số bảo tàng sử dụng hướng dẫn viên chuyên nghiệp để nói chuyện với du khách của họ, trong khi các viện bảo tàng khác cung cấp tai nghe để du khách có thể nghe bình luận chi tiết về triển lãm. Bằng cách này, các bảo tàng có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc giảng dạy con người về lịch sử, văn hóa, khoa học và nhiều khía cạnh khác của cuộc sống.

Tóm lại, có vẻ như với tôi rằng một bảo tàng tốt sẽ có thể mang đến một trải nghiệm thú vị, thoải mái và giáo dục để mọi người có thể vui chơi và học hỏi điều gì đó cùng một lúc.



Some people believe that studying at university or college is the best route to a successful career, while others believe that it is better to get a job straight after school. Discuss both views and give your opinion.

Một số người tin rằng học đại học hoặc cao đẳng là con đường tốt nhất dẫn tới 1 sự nghiệp thành công, trong khi những người khác tin rằng tốt hơn là nên kiếm việc ngay sau khi học xong. Thảo luận cả hai quan điểm và đưa ra ý kiến của bạn.

When they finish school, teenagers face the dilemma of whether to get a job or continue their education. While there are some benefits to getting a job straight after school, I would argue that it is better to go to college or university.

The option to start work straight after school is attractive for several reasons. Many young people want to start earning money as soon as possible. In this way, they can become independent, and they will be able to afford their own house or start a family. In terms of their career, young people who decide to find work, rather than continue their studies, may progress more quickly. They will have the chance to gain real experience and learn practical skills related to their chosen profession. This may lead to promotions and a successful career.

On the other hand, I believe that it is more beneficial for students to continue their studies. Firstly, academic qualifications are required in many professions. For example, it is impossible to become a doctor, teacher or lawyer without having the relevant degree. As a result, university graduates have access to more and better job opportunities, and they tend to earn higher salaries than those with fewer qualifications. Secondly, the job market is becoming increasingly competitive, and sometimes there are hundreds of applicants for one position in a company. Young people who do not have qualifications from a university or college will not be able to compete.

For the reasons mentioned above, it seems to me that students are more likely to be successful in their careers if they continue their studies beyond school level. Khi họ học xong, thanh thiếu niên phải đối mặt với tình huống khó xử về việc có nên đi làm hay tiếp tục học. Trong khi có 1 số lợi ích khi kiếm 1 công việc ngay sau khi kết thúc học ở trường, tôi cho rằng tốt hơn là nên đi học cao đẳng hoặc đại học.

Việc chọn bắt đầu làm việc ngay sau khi kết thúc việc học ở trường hấp dẫn vì nhiều lý do. Nhiều bạn trẻ muốn bắt đầu kiếm tiền càng sớm càng tốt. Bằng cách này, họ có thể trở nên độc lập, và họ sẽ có khả năng mua nhà hoặc bắt đầu một gia đình. Về sự nghiệp của họ, những người trẻ quyết định tìm việc làm, thay vì tiếp tục học tập, có thể tiến bộ nhanh hơn. Họ sẽ có cơ hội có được kinh nghiệm thực tế và học các kỹ năng thực hành liên quan đến nghề nghiệp mà họ đã chọn. Điều này có thể dẫn đến sự thăng chức và sự nghiệp thành công.

Mặt khác, tôi tin rằng có lợi hơn cho sinh viên để tiếp tục việc học của họ. Thứ nhất, bằng cấp được yêu cầu trong rất nhiều ngành nghề. Ví dụ, không thể trở thành bác sĩ, giáo viên hoặc luật sư mà không có bằng cấp liên quan. Kết quả là, sinh viên tốt nghiệp đại học có cơ hội việc làm nhiều hơn và tốt hơn, và họ có xu hướng kiếm được mức lương cao hơn so với những người có ít bằng cấp hơn. Thứ hai, thị trường việc làm ngày càng trở nên cạnh tranh, và đôi khi có hàng trăm ứng viên cho một vị trí trong một công ty. Những người trẻ tuổi không có bằng cấp từ một trường đại học hoặc cao đẳng sẽ không thể cạnh tranh được.

Vì những lý do nêu trên, có vẻ như với tôi rằng sinh viên có nhiều khả năng thành công trong sự nghiệp của họ hơn nếu họ tiếp tục học nhiều hơn trình độ trung cấp tại trường.



Several languages are in danger of extinction because they are spoken by very small numbers of people. Some people say that governments should spend public money on saving these languages, while others believe that would be a waste of money. Discuss both these views and give your opinion.

Một số ngôn ngữ có nguy cơ tuyệt chủng vì chúng được nói bởi rất ít người. Một số người nói rằng các chính phủ nên chi tiền vào việc bảo vệ các ngôn ngữ này, trong khi những người khác tin rằng sẽ là một sự lãng phí tiền bạc. Thảo luận cả hai quan điểm này và đưa ra ý kiến của bạn.

It is true that some minority languages may disappear in the near future. Although it can be argued that governments could save money by allowing this to happen, I believe that these languages should be protected and preserved.

There are several reasons why saving minority languages could be seen as a waste of money. Firstly, if a language is only spoken by a small number of people, expensive education programmes will be needed to make sure that more people learn it, and the state will have to pay for facilities, teachers and marketing. This money might be better spent on other public services. Secondly, it would be much cheaper and more efficient for countries to have just one language. Governments could cut all kinds of costs related to communicating with each minority group.

Despite the above arguments, I believe that governments should try to preserve languages that are less widely spoken. A language is much more than simply a means of communication; it has a vital connection with the cultural identity of the people who speak it. If a language disappears, a whole way of life will disappear with it, and we will lose the rich cultural diversity that makes societies more interesting. By spending money to protect minority languages, governments can also preserve traditions, customs and behaviours that are part of a country's history.

In conclusion, it may save money in the short term if we allow minority languages to disappear, but in the long term this would have an extremely negative impact on our cultural heritage. Đúng là một số ngôn ngữ thiểu số có thể biến mất trong tương lai gần. Mặc dù có thể lập luận rằng chính phủ có thể tiết kiệm tiền bằng cách cho phép điều này xảy ra, tôi tin rằng những ngôn ngữ này nên được bảo vê và bảo tồn.

Có một số lý do tại sao bảo vệ các ngôn ngữ thiểu số có thể được coi là một sự lãng phí tiền bạc. Thứ nhất, nếu một ngôn ngữ chỉ được nói bởi một số ít người, các chương trình giáo dục tốn kém sẽ cần thiết để đảm bảo rằng nhiều người học hơn, và nhà nước sẽ phải trả tiền cho các cơ sở vật chất, giáo viên và tiếp thị. Số tiền này có thể được chi tiêu tốt hơn cho các dịch vụ công cộng khác. Thứ hai, sẽ rẻ hơn và hiệu quả hơn cho các quốc gia chỉ có một ngôn ngữ. Chính phủ có thể cắt giảm tất cả các loại chi phí liên quan đến giao tiếp với từng nhóm thiểu số.

Mặc dù những tranh luận trên, tôi tin rằng chính phủ nên cố gắng bảo tồn các ngôn ngữ ít được nói rộng rãi. Một ngôn ngữ không chỉ là một phương tiện giao tiếp; nó có một kết nối quan trọng với bản sắc văn hóa của những người nói nó. Nếu một ngôn ngữ biến mất, toàn bộ cách sống sẽ biến mất cùng với nó, và chúng ta sẽ mất đi sự đa dạng bản sắc văn hóa thứ mà làm cho xã hội thủ vị hơn. Bằng cách chi tiền để bảo vệ ngôn ngữ thiểu số, chính phủ cũng có thể bảo tồn truyền thống, phong tục và hành vi là một phần của lịch sử đất nước.

Tóm lại, nó có thể tiết kiệm tiền trong ngắn hạn nếu chúng ta cho phép các ngôn ngữ thiểu số biến mất, nhưng về lâu dài điều này sẽ có tác động cực kỳ tiêu cực đến di sản văn hóa của chúng ta.



AGREE OR DISAGREE

It is inevitable that traditional cultures will be lost as technology develops. Technology and traditional cultures are incompatible. To what extent do you agree or disagree with this view?

Điều không thể tránh khỏi là các nền văn hóa truyền thống sẽ bị mất khi công nghệ phát triển. Công nghệ và văn hóa truyền thống không tương thích. Bạn đồng ý hay không đồng ý với ý kiến trên?

Some people believe that technological developments lead to the loss of traditional cultures. I partly agree with this assertion; while it may be true in the case of some societies, others seem to be unaffected by technology and the modern world.

On the one hand, the advances in technology that have driven industrialisation in developed countries have certainly contributed to the disappearance of traditional ways of life. For example, in pre-industrial Britain, generations of families grew up in the same small village communities. These communities had a strong sense of identity, due to their shared customs and beliefs. However, developments in transport, communications and manufacturing led to the dispersal of families and village communities as people moved to the cities in search of work. Nowadays most British villages are inhabited by commuters, many of whom do not know their closest neighbours.

On the other hand, in some parts of the world traditional cultures still thrive. There are tribes in the Amazon Rainforest, for example, that have been completely untouched by the technological developments of the developed world. These tribal communities continue to hunt and gather food from the forest, and traditional skills are passed on to children by parents and elders. Other traditional cultures, such as farming communities in parts of Africa, are embracing communications technologies. Mobile phones give farmers access to information, from weather predictions to market prices, which helps them to prosper and therefore supports their culture.

In conclusion, many traditional ways of life have been lost as a result of advances in technology, Một số người tin rằng sự phát triển công nghệ dẫn đến sự mất mát của nền văn hóa truyền thống. Tôi đồng ý một phần với sự khẳng định này; trong khi nó có thể đúng trong trường hợp của một số xã hội, một số khác dường như không bị ảnh hưởng bởi công nghệ và thế giới hiện đại.

Một mặt, những tiến bộ trong công nghệ đã thúc đẩy công nghiệp hóa ở các nước phát triển chắc chắn đã góp phần vào sự biến mất của các lối sống truyền thống. Ví dụ, ở Anh quốc thời tiền công nghiệp, các thế hệ gia đình lớn lên trong cùng một cộng đồng làng nhỏ. Những cộng đồng này có nhận thức rất mạnh mẽ, do họ chia sẻ phong tục và tập quán. Tuy nhiên, sự phát triển trong giao thông, truyền thông và sản xuất dẫn đến sự phân tán của các gia đình và cộng đồng làng khi mọi người chuyển đến các thành phố để tìm việc làm. Ngày nay hầu hết các ngôi làng của Anh đều có người đi làm, nhiều người trong số họ không biết những người hàng xóm gần nhất của ho.

Mặt khác, ở một số nơi trên thế giới văn hóa truyền thống vẫn phát triển mạnh. Chẳng hạn, có những bộ tộc trong Rừng nhiệt đới Amazon, đã hoàn toàn không được chạm đến bởi sự phát triển công nghệ của thế giới phát triển. Các cộng đồng bộ tộc này tiếp tục săn bắn và thu thập thức ăn từ rừng, và các kỹ năng truyền thống được truyền cho trẻ em bởi cha mẹ và người lớn tuổi. Các nền văn hóa truyền thống khác, chẳng hạn như các cộng đồng nông nghiệp ở các vùng của châu Phi, đang sử dụng các công nghệ truyền thông. Điện thoại di động cung cấp cho nông dân quyền truy cập thông tin, từ dự báo thời tiết đến giá thị trường, giúp họ phát triển thịnh vượng và do đó hỗ trợ văn hóa của họ.

Tóm lại, nhiều cách sống truyền thống đã bị mất do những tiến bộ trong công nghệ, nhưng các



but other traditional communities have survived and even **flourished**.

cộng đồng truyền thống khác đã sống sót và thậm chí phát triển mạnh mẽ.



Most people have forgotten the meaning behind traditional or religious festivals; during festival periods, people nowadays only want to enjoy themselves. To what extent do you agree or disagree with this opinion?

Hầu hết mọi người đã quên mất ý nghĩa đằng sau các lễ hội truyền thống hoặc tôn giáo; trong thời gian lễ hội, người ta ngày nay chỉ muốn tận hưởng chính mình. Bạn đồng ý hay không đồng ý với ý kiến này ở mức đô nào?

Some people argue that we no longer remember the original meaning of festivals, and that most of us treat them as opportunities to have fun. While I agree that enjoyment seems to be the priority during festival times, I do not agree that people have forgotten what these festivals mean.

On the one hand, religious and traditional festivals have certainly become times for celebration. In the UK, Christmas is a good example of a festival period when people are most concerned with shopping, giving and receiving presents, decorating their homes and enjoying traditional meals with their families. Most people look forward to Christmas as a holiday period, rather than a time to practise religion. Similar behaviour can be seen during non-religious festivals, such as Bonfire Night. People associate this occasion with making fires, watching firework displays, and perhaps going to large events in local parks; in other words, enjoyment is people's primary goal.

However, I disagree with the idea that the underlying meaning of such festivals has been forgotten. In UK primary schools, children learn in detail about the religious reasons for celebrating Christmas, Easter and a variety of festivals in other religions. For example, in late December, children sing Christmas songs which have a religious content, and they may even perform nativity plays telling the story of Jesus' birth. Families also play a role in passing knowledge of religious festivals' deeper significance on to the next generation. The same is true for festivals that have a historical background, such as Bonfire Night or Halloween, in the sense that people generally learn the stories behind these occasions at an early age.

Một số người cho rằng chúng ta không còn nhớ ý nghĩa ban đầu của lễ hội, và rằng hầu hết chúng ta xem chúng như những cơ hội để vui chơi.

Trong khi tôi đồng ý rằng hưởng thụ có vẻ là ưu tiên trong thời gian lễ hội, tôi không đồng ý rằng mọi người đã quên những ý nghĩa của các lễ hội đó.

Một mặt, các lễ hội tôn giáo và truyền thống chắc chắn đã trở thành thời gian cho sự ăn mừng. Ở Anh, Giáng sinh là một ví dụ điển hình về thời kỳ lễ hội khi mọi người quan tâm nhất đến việc mua sắm, tặng và nhận quà, trang trí nhà cửa và thưởng thức các bữa ăn truyền thống cùng gia đình. Hầu hết mọi người mong đợi Giáng sinh như một kỳ nghỉ, chứ không phải là thời gian để thực hành tôn giáo. Hành vi tương tự có thể được nhìn thấy trong các lễ hội phi tôn giáo, chẳng hạn như Đêm Lửa. Mọi người liên kết dịp này với việc đốt lửa, xem màn bắn pháo hoa, và có lẽ sẽ tham gia các sự kiện lớn trong các công viên địa phương; nói cách khác, hưởng thụ là mục tiêu chính của mọi người.

Tuy nhiên, tôi không đồng ý với ý tưởng rằng ý nghĩa cơ bản của các lễ hội như vậy đã bị lãng quên. Tại các trường tiểu học ở Vương quốc Anh, trẻ em tìm hiểu chi tiết về các lý do tôn giáo để kỷ niệm Giáng sinh, Phục sinh và một loạt các lễ hội ở các tôn giáo khác. Ví dụ, vào cuối tháng 12, trẻ em hát những bài hát Giáng sinh có nội dung tôn giáo, và chúng thậm chí có thể biểu diễn những vở kịch Chúa giáng sinh kể về câu chuyện về sự ra đời của Chúa Giêsu. Các gia đình cũng đóng một vai trò trong việc truyền đạt kiến thức về ý nghĩa sâu sắc của lễ hội tôn giáo cho thế hệ tiếp theo. Điều này cũng đúng cho các lễ hội có nền lịch sử, chẳng hạn như Đêm Lửa hoặc Halloween, theo nghĩa là mọi người thường học những câu chuyện đằng sau những dịp này khi còn nhỏ.



In conclusion, although people mainly want to enjoy themselves during festivals, I believe that they are still aware of the reasons for these celebrations.

Tóm lại, mặc dù mọi người chủ yếu muốn tận hưởng trong các lễ hội, tôi tin rằng họ vẫn còn nhận thức được lý do cho những lễ kỷ niệm này.



Extreme sports such as sky diving and skiing are very dangerous and should be banned. To what extent do you agree or disagree with this view?

Các môn thể thao mạo hiểm như lặn biển và trượt tuyết rất nguy hiểm và nên bị cấm. Bạn đồng ý hay không đồng ý với ý kiến đó?

In recent years, extreme sports have become increasingly popular, and some people argue that governments should **prohibit** them. I completely disagree with the idea that these sports are too dangerous, and I therefore believe that they should not be banned.

In my opinion, so-called extreme sports are not as dangerous as many people think. All sports involve some element of risk, and there should always be clear regulations and safety procedures to reduce the possibility of accidents. People who take part in extreme sports are usually required to undergo appropriate training so that the dangers are minimised. For example, anyone who wants to try skydiving will need to sign up for lessons with a registered club, and beginners are not allowed to dive solo; they must be accompanied by an experienced professional. Finally, the protective equipment and technology used in sports from motor racing to mountain climbing is constantly improving safety.

While I support regulations and safety measures, I believe that it would be wrong, and almost impossible, to ban extreme sports. In the first place, we should all be free to decide how we spend our leisure time; as long as we understand the risks, I do not believe that politicians should stop us from enjoying ourselves. However, an even stronger argument against such a ban would be the difficulty of enforcing it. Many of the most risky sports, like base jumping or big wave surfing, are practised far away from the reach of any authorities. I cannot imagine the police being called to stop people from parachuting off a mountain face or surfing on an isolated beach.

In conclusion, I would argue that people should be free to enjoy extreme sports as long as they Trong những năm gần đây, các môn thể thao mạo hiểm ngày càng trở nên phổ biến, và một số người cho rằng chính phủ nên cấm chúng. Tôi hoàn toàn không đồng ý với ý tưởng rằng những môn thể thao này quá nguy hiểm, và do đó tôi tin rằng chúng không nên bị cấm.

Theo tôi, cái gọi là môn thể thao mạo hiểm không nguy hiểm như nhiều người nghĩ. Tất cả các môn thể thao liên quan đến một số yếu tố rủi ro, và luôn luôn phải có quy định rõ ràng và các thủ tục an toàn để giảm khả năng xảy ra tai nạn. Những người tham gia các môn thể thao mạo hiểm thường được yêu cầu phải trải qua quá trình huấn luyên phù hợp để các mối nguy hiểm được giảm thiểu. Ví dụ, bất cứ ai muốn thử nhảy dù sẽ cần phải đăng ký các bài học với một câu lạc bộ và người mới bắt đầu không được phép nhảy một mình; họ phải được đi kèm bởi một chuyên gia có kinh nghiệm. Cuối cùng, các thiết bị và công nghệ bảo vệ được sử dụng trong thể thao từ đua mô tô đến leo núi liên tục cải thiện sư an toàn.

Trong khi tôi ủng hộ các quy định và các biện pháp an toàn, tôi tin rằng nó có thể là sai, và gần như không thể, để cấm các môn thể thao mạo hiểm. Ngay từ đầu, tất cả chúng ta nên tự do quyết định cách chúng ta dành thời gian giải trí của mình; miễn là chúng ta hiểu những rủi ro, tôi không tin rằng các chính trị gia nên ngăn chúng ta khỏi tận hưởng chính mình. Tuy nhiên, một lập luận thậm chí còn mạnh mẽ hơn chống lại lệnh cấm như vậy sẽ là sự khó khăn trong việc thực thi nó. Nhiều môn thể thao mạo hiểm nhất, như nhảy jumping hoặc lướt sóng lớn, được thực hành cách xa bất kì nhà dân nào. Tôi không thể tưởng tượng cảnh sát được kêu gọi để ngăn chặn mọi người nhảy dù trên mặt núi hoặc lướt trên bãi biển cô lập.

Tóm lại, tôi cho rằng mọi người nên được tự do thưởng thức các môn thể thao mạo hiểm miễn là



understand the risks and take the appropriate precautions. họ hiểu những rủi ro và thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp.



As well as making money, businesses also have social responsibilities. To what extent do you agree or disagree?

Cũng như kiếm tiền, các doanh nghiệp cũng có trách nhiệm xã hội. Bạn đồng ý hay không đồng ý?

Businesses have always sought to make a profit, but it is becoming increasingly common to hear people talk about the social obligations that companies have. I completely agree with the idea that businesses should do more for society than simply make money.

On the one hand, I accept that businesses must make money in order to survive in a competitive world. It seems logical that the priority of any company should be to cover its running costs, such as employees' wages and payments for buildings and utilities. On top of these costs, companies also need to invest in improvements and innovations if they wish to remain successful. If a company is unable to pay its bills or meet the changing needs of customers, any concerns about social responsibilities become irrelevant. In other words, a company can only make a positive contribution to society if it is in good financial health.

On the other hand, companies should not be run with the sole aim of maximising profit; they have a wider role to play in society. One social obligation that owners and managers have is to treat their employees well, rather than exploiting them. For example, they could pay a "living wage" to ensure that workers have a good quality of life. I also like the idea that businesses could use a proportion of their profits to support local charities, environmental projects or education initiatives. Finally, instead of trying to minimise their tax payments by using accounting loopholes, I believe that company bosses should be happy to contribute to society through the tax system.

In conclusion, I believe that companies should place as much importance on their social responsibilities as they do on their financial objectives.

Các doanh nghiệp luôn tìm cách kiếm lợi nhuận, nhưng ngày càng trở nên phổ biến khi nghe mọi người nói về nghĩa vụ xã hội mà công ty có. Tôi hoàn toàn đồng ý với ý tưởng rằng các doanh nghiệp nên làm nhiều hơn cho xã hội hơn là chỉ kiếm tiền.

Một mặt, tôi chấp nhận rằng các doanh nghiệp phải kiếm tiền để tồn tại trong một thế giới cạnh tranh. Có vẻ hợp lý rằng ưu tiên của bất kỳ công ty nào là phải trang trải chi phí hoạt động của nó, chẳng hạn như tiền lương của nhân viên và các khoản thanh toán cho các tòa nhà và các tiện ích. Ngoài những chi phí này, các công ty cũng cần đầu tư vào những cải tiến và đổi mới nếu họ muốn tiếp tục thành công. Nếu một công ty không thể thanh toán hóa đơn của mình hoặc đáp ứng nhu cầu thay đổi của khách hàng, bất kỳ mối lo ngại nào về trách nhiệm xã hội đều trở nên không liên quan. Nói cách khác, một công ty chỉ có thể đóng góp tích cực cho xã hội nếu nó có tài chính tốt.

Mặt khác, các công ty không nên chạy với mục đích duy nhất là tối đa hóa lợi nhuận; họ có vai trò rộng hơn trong xã hội. Một nghĩa vụ xã hội mà chủ sở hữu và người quản lý có là đối xử tốt với nhân viên của họ, thay vì khai thác họ. Ví dụ, họ có thể trả "mức lương sống" để đảm bảo rằng công nhân có chất lượng cuộc sống tốt. Tôi cũng thích ý tưởng rằng các doanh nghiệp có thể sử dụng một phần lợi nhuận của họ để hỗ trợ các tổ chức từ thiện địa phương, các dự án môi trường hoặc các sáng kiến giáo dục. Cuối cùng, thay vì cố gắng giảm thiểu các khoản thanh toán thuế của họ bằng cách sử dụng sơ hở kế toán, tôi tin rằng các ông chủ công ty nên vui vẻ đóng góp cho xã hội thông qua hệ thống thuế.

Tóm lại, tôi tin rằng các công ty nên đặt tầm quan trọng nhiều vào trách nhiệm xã hội như là khi họ thực hiện các mục tiêu tài chính.



Wild animals have no place in the 21st century, so protecting them is a waste of resources. To what extent do you agree or disagree?

Động vật hoang dã không có chỗ ở trong thế kỷ 21, vì vậy bảo vệ chúng là một sự lãng phí tài nguyên. Bạn đồng ý hay không đồng ý?

Some people argue that it is pointless to spend money on the protection of wild animals because we humans have no need for them. I completely disagree with this point of view.

In my opinion, it is absurd to argue that wild animals have no place in the 21st century. I do not believe that planet Earth exists only for the benefit of humans, and there is nothing special about this particular century that means that we suddenly have the right to allow or encourage the extinction of any species. Furthermore, there is no compelling reason why we should let animals die out. We do not need to exploit or destroy every last square metre of land in order to feed or accommodate the world's population. There is plenty of room for us to exist side by side with wild animals, and this should be our aim.

I also disagree with the idea that protecting animals is a waste of resources. It is usually the protection of natural habitats that ensures the survival of wild animals, and most scientists agree that these habitats are also crucial for human survival. For example, rainforests produce oxygen, absorb carbon dioxide and stabilise the Earth's climate. If we destroyed these areas, the costs of managing the resulting changes to our planet would far outweigh the costs of conservation. By protecting wild animals and their habitats, we maintain the natural balance of all life on Earth.

In conclusion, we have no right to decide whether or not wild animals should exist, and I believe that we should do everything we can to protect them.

Một số người cho rằng việc bỏ tiền vào bảo vệ động vật hoang dã là vô nghĩa bởi vì con người chúng ta không cần chúng. Tôi hoàn toàn không đồng ý với quan điểm này.

Theo tôi, thật vô lý khi cho rằng động vật hoang dã không có chỗ ở trong thế kỷ 21. Tôi không tin rằng hành tinh Trái đất tồn tại chỉ vì lợi ích của con người, và không có gì đặc biệt về thế kỷ này có nghĩa là chúng ta đột nhiên có quyền cho phép hoặc khuyến khích sự tuyệt chủng của bất kỳ loài nào. Hơn nữa, không có lý do thuyết phục nào tại sao chúng ta nên để động vật chết. Chúng ta không cần phải khai thác hoặc phá hủy mọi mét vuông đất cuối cùng để nuôi sống hoặc phục vụ dân số thế giới. Có rất nhiều chỗ để chúng ta tồn tại bên cạnh những con vật hoang dã, và đây nên là mục tiêu của chúng ta.

Tôi cũng không đồng ý với ý tưởng bảo vệ động vật là một sự lãng phí tài nguyên. Thường thì chính sự bảo vệ môi trường sống tự nhiên đã đảm bảo sự sống còn của động vật hoang dã, và hầu hết các nhà khoa học đồng ý rằng những sinh vật này cũng rất quan trọng cho sự sống còn của con người. Ví dụ, rừng mưa nhiệt đới tạo ra oxy, hấp thụ carbon dioxide và ổn định khí hậu của Trái đất. Nếu chúng ta phá hủy những khu vực này, chi phí quản lý những thay đổi cho hành tinh của chúng ta sẽ vượt xa chi phí bảo tồn. Bằng cách bảo vệ động vật hoang dã và môi trường sống của chúng, chúng ta duy trì sự cân bằng tự nhiên của tất cả sự sống trên Trái Đất.

Tóm lại, chúng ta không có quyền quyết định động vật hoang dã nên tồn tại hay không, và tôi tin rằng chúng ta nên làm mọi thứ có thể để bảo vê chúng.



Some people who have been in prison become good citizens later, and it is often argued that these are the best people to talk to teenagers about the dangers of committing a crime. To what extent do you agree or disagree?

Một số người đã ở trong tù trở thành công dân tốt sau này, và người ta thường lập luận rằng đây là những người tốt nhất để nói chuyện với thanh thiếu niên về sự nguy hiểm của phạm tội. Bạn đồng ý hay không đồng ý?

It is true that ex-prisoners can become normal, productive members of society. I completely agree with the idea that allowing such people to speak to teenagers about their experiences is the best way to discourage them from breaking the law.

In my opinion, teenagers are more likely to accept advice from someone who can speak from experience. Reformed offenders can tell young people about how they became involved in crime, the dangers of a criminal lifestyle, and what life in prison is really like. They can also dispel any ideas that teenagers may have about criminals leading glamorous lives. While adolescents are often indifferent to the guidance given by older people, I imagine that most of them would be extremely keen to hear the stories of an ex-offender. The vivid and perhaps shocking nature of these stories is likely to have a powerful impact.

The alternatives to using reformed criminals to educate teenagers about crime would be much less effective. One option would be for police officers to visit schools and talk to young people. This could be useful in terms of informing teens about what happens to lawbreakers when they are caught, but young people are often reluctant to take advice from figures of authority. A second option would be for school teachers to speak to their students about crime, but I doubt that students would see teachers as credible sources of information about this topic. Finally, educational films might be informative, but there would be no opportunity for young people to interact and ask questions.

Đúng là các cựu tù nhân có thể trở thành những thành viên bình thường, có ích cho xã hội. Tôi hoàn toàn đồng ý với ý tưởng cho phép những người như vậy nói chuyện với thanh thiếu niên về kinh nghiệm của họ là cách tốt nhất để ngăn cản họ vi phạm pháp luật.

Theo ý kiến của tôi, thanh thiếu niên có nhiều khả năng chấp nhận lời khuyên từ một người có thể nói từ kinh nghiệm. Những người phạm tội đã cải tạo có thể nói với những người trẻ về cách họ tham gia vào tội phạm, những nguy hiểm của lối sống tội phạm, và cuộc sống trong từ thực sự là như thế nào. Họ cũng có thể xua tan bất kỳ ý tưởng nào mà thanh thiếu niên có thể nghĩ về việc tội phạm dẫn tới cuộc sống hấp dẫn. Trong khi thanh thiếu niên thường thờ ơ với sự hướng dẫn của những người lớn tuổi, tôi tưởng tượng rằng hầu hết trong số họ rất muốn nghe những câu chuyện của một người phạm tội cũ. Bản chất sinh động và có lẽ gây sốc của những câu chuyện này có thể có tác động mạnh mẽ.

Các lựa chọn thay thế cho việc sử dụng những người tội phạm đã cải tạo để giáo dục thanh thiếu niên về tội phạm sẽ kém hiệu quả hơn nhiều. Một lựa chọn là cho nhân viên cảnh sát đến thăm trường học và nói chuyện với những người trẻ tuổi. Điều này có thể hữu ích trong việc thông báo cho thanh thiếu niên về những gì sẽ xảy ra với những kẻ phá luật khi họ bị bắt, nhưng những người trẻ tuổi thường miễn cưỡng nhận lời khuyên từ các nhân vật có thẩm quyền. Một lựa chọn thứ hai là để giáo viên nhà trường nói chuyện với học sinh của họ về tội phạm, nhưng tôi nghi ngờ rằng học sinh sẽ thấy giáo viên là nguồn thông tin đáng tin cậy về chủ đề này. Cuối cùng, các bộ phim giáo dục có thể mang tính thông tin, nhưng sẽ không có cơ hội cho những người trẻ tuổi tương tác và đặt câu hỏi.



In conclusion, I fully support the view that people who have **turned their lives around** after serving a prison sentence could help to deter teenagers from committing crimes.

Tóm lại, tôi ủng hộ hoàn toàn quan điểm rằng những người đã quay đầu làm lại sau khi thụ án tù có thể giúp ngăn chặn thanh thiếu niên phạm tội.



The older generations tend to have very traditional ideas about how people should live, think and behave. However, some people believe that these ideas are not helpful in preparing younger generations for modern life. To what extent do you agree or disagree with this view?

Các thế hệ cũ có xu hướng có những ý tưởng rất truyền thống về cách mọi người nên sống, suy nghĩ và hành xử. Tuy nhiên, một số người tin rằng những ý tưởng này không hữu ích trong việc chuẩn bị các thế hệ trẻ hơn cho cuộc sống hiện đại. Bạn đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến trên?

It is true that many older people believe in traditional values that often seem incompatible with the needs of younger people. While I agree that some traditional ideas are outdated, I believe that others are still useful and should not be forgotten.

On the one hand, many of the ideas that elderly people have about life are becoming less relevant for younger people. In the past, for example, people were advised to learn a profession and find a secure job for life, but today's workers expect much more variety and diversity from their careers. At the same time, the 'rules' around relationships are being eroded as young adults make their own choices about who and when to marry. But perhaps the greatest disparity between the generations can be seen in their attitudes towards gender roles. The traditional roles of men and women, as breadwinners and housewives, are no longer accepted as necessary or appropriate by most younger people.

On the other hand, some traditional views and values are certainly applicable to the modern world. For example, older generations attach great importance to working hard, doing one's best, and taking pride in one's work, and these behaviours can surely benefit young people as they enter today's competitive job market. Other characteristics that are perhaps seen as traditional are politeness and good manners. In our globalised world, young adults can expect to come into contact with people from a huge variety of backgrounds, and it is more important than ever to treat others with respect. Finally, I believe that young people would lead happier lives if they had a more 'old-fashioned' sense of community and neighbourliness.

Đúng là nhiều người lớn tuổi tin vào các giá trị truyền thống cái mà thường có vẻ không tương thích với nhu cầu của những người trẻ tuổi hơn. Trong khi tôi đồng ý rằng một số ý tưởng truyền thống đã lỗi thời, tôi tin rằng những ý tưởng khác vẫn hữu ích và không nên bi lãng quên.

Một mặt, nhiều ý tưởng mà người cao tuổi có về cuộc sống đang trở nên ít liên quan hơn đối với những người trẻ. Trong quá khứ, ví dụ, mọi người được khuyên nên học nghề và tìm một công việc an toàn cho cuộc sống, nhưng ngày nay nhân viên mong đợi sự đa dạng và phong phú hơn nhiều từ sự nghiệp của họ. Đồng thời, "quy tắc" xung quanh các mối quan hệ đang bị xói mòn khi các vị thành niên tự lựa chọn về người nào và khi nào kết hôn. Nhưng có lẽ sự khác biệt lớn nhất giữa các thế hệ có thể được nhìn thấy trong thái độ của họ đối với vai trò giới tính. Vai trò truyền thống của đàn ông và phụ nữ, như người làm vai trò trụ cột và nội trợ, không còn được chấp nhận là cần thiết hoặc thích hợp bởi hầu hết những người trẻ tuổi.

Mặt khác, một số quan điểm và giá trị truyền thống chắc chắn áp dụng cho thế giới hiện đại. Ví dụ, các thế hệ lớn coi trọng làm việc chăm chỉ, làm tốt nhất, và tự hào về công việc của một người, và những hành vi này chắc chắn có thể mang lai lơi ích cho giới trẻ khi ho bước vào thi trường việc làm cạnh tranh ngày nay. Các đặc điểm khác có lẽ được xem là truyền thống như sự lịch sự và cách cư xử tốt. Trong thế giới toàn cầu hoá của chúng ta, thanh niên có thể mong đợi tiếp xúc với mọi người từ nhiều nguồn gốc khác nhau, và điều quan trọng hơn bao giờ hết để đối xử với người khác một cách tôn trọng. Cuối cùng, tôi tin rằng những người trẻ tuổi sẽ sống cuộc sống hạnh phúc hơn nếu họ có ý thức cộng đồng và láng giềng hơn.



In conclusion, although the views of older people may sometimes seem unhelpful in today's world, we should not dismiss all traditional ideas as irrelevant.

Tóm lại, mặc dù quan điểm của người lớn tuổi đôi khi có vẻ không hữu ích trong thế giới ngày nay, chúng ta không nên gạt bỏ tất cả các ý tưởng truyền thống như là không liên quan.



Families who send their children to private schools should not be required to pay taxes that support the state education system. To what extent do you agree or disagree with this statement?

Các gia đình gửi con em đến trường tư thì không nên yêu cầu nộp thuế hỗ trợ hệ thống giáo dục nhà nước. Bạn đồng ý hay không đồng ý với ý kiến trên?

Some people believe that parents of children who attend private schools should not need to contribute to state schools through taxes.

Personally, I completely disagree with this view.

For a variety of reasons, it would be wrong to reduce taxes for families who pay for private education. Firstly, it would be difficult to calculate the correct amount of tax reduction for these families, and staff would be required to manage this complex process. Secondly, we all pay a certain amount of tax for public services that we may not use. For example, most people are fortunate enough not to have to call the police or fire brigade at any time in their lives, but they would not expect a tax reduction for this. Finally, if wealthy families were given a tax discount for sending their children to private schools, we might have a situation where poorer people pay higher taxes than the rich.

In my opinion, we should all be happy to pay our share of the money that supports public schools. It is beneficial for all members of society to have a high quality education system with equal opportunities for all young people. This will result in a well-educated workforce, and in turn a more productive and prosperous nation. Parents of children in private schools may also see the advantages of this in their own lives. For example, a company owner will need well qualified and competent staff, and a well-funded education system can provide such employees.

In conclusion, I do not believe that any financial concessions should be made for people who choose private education.

Một số người tin rằng cha mẹ của trẻ em theo học trường tư không nên đóng góp cho các trường công lập thông qua các loại thuế. Cá nhân tôi hoàn toàn không đồng ý với quan điểm này.

Vì nhiều lý do, việc giảm thuế cho các gia đình trả tiền cho giáo dục tư nhân là sai lầm. Thứ nhất, sẽ rất khó để tính số tiền giảm thuế chính xác cho các gia đình này, và nhân viên sẽ được yêu cầu quản lý quá trình phức tạp này. Thứ hai, tất cả chúng ta đều phải trả một khoản thuế nhất định cho các dịch vụ công cộng mà chúng ta có thể không sử dụng. Ví dụ, hầu hết mọi người may mắn không phải gọi cảnh sát hoặc đội cứu hỏa bất cứ lúc nào trong cuộc sống của họ, nhưng họ sẽ không mong đợi giảm thuế cho việc này. Cuối cùng, nếu các gia đình giàu được giảm thuế cho việc đưa con em họ đến trường tư, chúng ta có thể có một tình huống mà người nghèo phải trả thuế cao hơn người giàu.

Theo ý kiến của tôi, tất cả chúng ta đều vui lòng trả phần tiền của chúng ta hỗ trợ các trường công lập. Nó có lợi cho tất cả các thành viên của xã hội để có một hệ thống giáo dục chất lượng cao với cơ hội bình đẳng cho tất cả những người trẻ tuổi. Điều này sẽ dẫn đến một lực lượng lao động có trình độ học vấn cao, và lần lượt trở thành một quốc gia có năng suất và thịnh vượng hơn. Phụ huynh của trẻ em trong các trường tư cũng có thể thấy những ưu điểm của điều này trong cuộc sống của chính họ. Ví dụ, một chủ sở hữu công ty sẽ cần nhân viên có trình độ và có thẩm quyền tốt, và một hệ thống giáo dục được tài trợ tốt có thể cung cấp cho nhân viên đó.

Tóm lại, tôi không tin rằng bất kỳ nhượng bộ tài chính nào nên được thực hiện cho những người chon giáo dục từ nhân.



Nowadays celebrities are more famous for their glamour and wealth than for their achievements, and this sets a bad example to young people. To what extent do you agree or disagree with this statement?

Ngày nay, những người nổi tiếng nổi tiếng vì sự quyến rũ và giàu có của họ hơn là thành tựu của họ, và điều này đặt ra một ví dụ không tốt cho những người trẻ tuổi. Bạn đồng ý hay không đồng ý với tuyên bố này?

It is true that some celebrities are known for their glamorous lifestyles rather than for the work they do. While I agree that these celebrities set a bad example for children, I believe that other famous people act as positive role models.

On the one hand, many people do achieve fame without really working for it. They may have inherited money from parents, married a famous or wealthy person, or they may have appeared in gossip magazines or on a reality TV programme. A good example would be Paris Hilton, who is rich and famous for the wrong reasons. She spends her time attending parties and nightclubs, and her behaviour promotes the idea that appearance, glamour and media profile are more important than hard work and good character. The message to young people is that success can be achieved easily, and that school work is not necessary.

On the other hand, there are at least as many celebrities whose accomplishments make them excellent role models for young people. Actors, musicians and sports stars become famous idols because they have worked hard and applied themselves to develop real skills and abilities. They demonstrate great effort, determination and ambition, which is required for someone who wants to be truly successful in their chosen field. An example is the actor and martial artist Jackie Chan, who has become world famous through years of practice and hard work. This kind of self-made celebrity can inspire children to develop their talents through application and perseverance.

In conclusion, it seems to me that the influence

Đúng là một số người nổi tiếng được biết đến với lối sống quyến rũ của họ hơn là cho công việc họ làm. Trong khi tôi đồng ý rằng những người nổi tiếng này đã tạo ra một ví dụ không tốt cho trẻ em, tôi tin rằng những người nổi tiếng khác đóng vai trò là những hình mẫu tích cực.

Một mặt, nhiều người đã đạt được danh tiếng mà không thực sự làm việc cho nó. Họ có thể đã thừa kế tiền từ cha mẹ, kết hôn với một người nổi tiếng hoặc giàu có, hoặc họ có thể đã xuất hiện trên các tạp chí tin đồn hoặc trên một chương trình truyền hình thực tế. Một ví dụ điển hình là Paris Hilton, người giàu có và nổi tiếng vì những lý do sai lầm. Cô dành thời gian của mình tham dự các bữa tiệc và câu lạc bộ đêm, và hành vi của cô thúc đẩy ý tưởng rằng sự xuất hiện, quyến rũ và hình ảnh truyền thông quan trọng hơn công việc khó khăn và tính cách tốt. Thông điệp cho những người trẻ tuổi là thành công có thể đạt được một cách dễ dàng, và việc học ở nhà trường là không cần thiết.

Mặt khác, có ít nhất là nhiều người nổi tiếng có thành tích cái mà làm cho trở thành hình mẫu tuyệt vời cho những người trẻ tuổi. Diễn viên, nhạc sĩ và các ngôi sao thể thao trở thành thần tượng nổi tiếng bởi vì họ đã làm việc chăm chỉ và áp dụng bản thân để phát triển kỹ năng và khả năng thực sự. Họ thể hiện nỗ lực, quyết tâm và tham vọng to lớn, điều này là cần thiết cho một người muốn thực sự thành công trong lĩnh vực mà họ đã chọn. Một ví dụ là diễn viên và võ sĩ Jackie Chan, người đã trở nên nổi tiếng thế giới qua nhiều năm luyện tập và làm việc vất vả. Nhóm người nổi tiếng bằng chính mình này có thể truyền cảm hứng cho trẻ em phát triển tài năng của mình thông qua sự chuyên tâm và sự kiên trì.

Tóm lại, có vẻ như với tôi rằng ảnh hưởng của



of celebrities on young people can be positive as well as negative.

những người nổi tiếng trên những người trẻ tuổi có thể là tích cực cũng như tiêu cực.



When choosing a job, the salary is the most important consideration. To what extent do you agree or disagree?

Khi chọn một công việc, mức lương là yếu tố quan trọng nhất. Bạn đồng ý hay không đồng ý?

Many people choose their jobs based on the size of the salary offered. Personally, I disagree with the idea that money is the key consideration when deciding on a career, because I believe that other factors are equally important.

On the one hand, I agree that money is necessary in order for people to meet their basic needs. For example, we all need money to pay for housing, food, bills, health care, and education. Most people consider it a priority to at least earn a salary that allows them to cover these needs and have a reasonable quality of life. If people chose their jobs based on enjoyment or other non-financial factors, they might find it difficult to support themselves. Artists and musicians, for instance, are known for choosing a career path that they love, but that does not always provide them with enough money to live comfortably and raise a family.

Nevertheless, I believe that other considerations are just as important as what we earn in our jobs. Firstly, personal relationships and the atmosphere in a workplace are extremely important when choosing a job. Having a good manager or friendly colleagues, for example, can make a huge difference to workers' levels of happiness and general quality of life. Secondly, many people's feelings of job satisfaction come from their professional achievements, the skills they learn, and the position they reach, rather than the money they earn. Finally, some people choose a career because they want to help others and contribute something positive to society.

In conclusion, while salaries certainly affect people's choice of profession, I do not believe that money outweighs all other motivators.

Nhiều người chọn công việc của họ dựa trên số tiền lương được đề ra. Cá nhân tôi không đồng ý với ý tưởng rằng tiền là yếu tố quan trọng khi quyết định sự nghiệp, bởi vì tôi tin rằng các yếu tố khác cũng quan trọng không kém.

Một mặt, tôi đồng ý rằng tiền là cần thiết để mọi người đáp ứng nhu cầu cơ bản của họ. Ví dụ, tất cả chúng ta đều cần tiền để trả tiền nhà cửa, thực phẩm, hóa đơn, chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Hầu hết mọi người coi nó là một ưu tiên để ít nhất kiếm được một mức lương cho phép để họ trang trải những nhu cầu này và có một chất lượng cuộc sống hợp lý. Nếu mọi người chọn công việc của họ dựa trên hưởng thụ hoặc các yếu tố phi tài chính khác, họ có thể cảm thấy khó khăn để hỗ trợ bản thân. Ví dụ, các nghệ sĩ và nhạc sĩ được biết đến vì đã chọn con đường sự nghiệp mà họ yêu thích, nhưng điều đó không phải lúc nào cũng cung cấp cho họ đủ tiền để sống thoải mái và nuôi dưỡng một gia đình.

Tuy nhiên, tôi tin rằng những cân nhắc khác cũng quan trọng như những gì chúng ta nhận được trong công việc của mình. Thứ nhất, mối quan hệ cá nhân và môi trường ở nơi làm việc là cực kỳ quan trọng khi chọn một công việc. Ví dụ, có một người quản lý tốt hoặc các đồng nghiệp thân thiện có thể tạo sự khác biệt rất lớn đối với mức độ hạnh phúc và chất lượng cuộc sống chung của người lao động. Thứ hai, cảm giác hài lòng về công việc của nhiều người đến từ thành tích chuyên môn của họ, kỹ năng họ học và vị trí họ đạt được, thay vì số tiền họ kiếm được. Cuối cùng, một số người chọn nghề nghiệp vì họ muốn giúp đỡ người khác và đóng góp một cái gì đó tích cực cho xã hôi.

Tóm lại, trong khi tiền lương chắc chắn ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề nghiệp của mọi người, tôi không tin rằng tiền vượt quá tất cả các động lực khác.



Foreign visitors should pay more than local visitors for cultural and historical attractions. To what extent do you agree or disagree with this opinion?

Du khách nước ngoài phải trả tiền nhiều hơn du khách địa phương cho các điểm tham quan văn hóa và lịch sử. Bạn đồng ý hay không đồng ý với ý kiến này?

It is sometimes argued that tourists from overseas should be charged more than local residents to visit important sites and monuments. I completely disagree with this idea.

The argument in favour of higher prices for foreign tourists would be that cultural or historical attractions often depend on state subsidies to keep them going, which means that the resident population already pays money to these sites through the tax system. However, I believe this to be a very shortsighted view.

Foreign tourists contribute to the economy of the host country with the money they spend on a wide range of goods and services, including food, souvenirs, accommodation and travel. The governments and inhabitants of every country should be happy to subsidise important tourist sites and encourage people from the rest of the world to visit them.

If travellers realised that they would have to pay more to visit historical and cultural attractions in a particular nation, they would perhaps decide not to go to that country on holiday. To take the UK as an example, the tourism industry and many related jobs rely on visitors coming to the country to see places like Windsor Castle or Saint Paul's Cathedral. These two sites charge the same price regardless of nationality, and this helps to promote the nation's cultural heritage. If overseas tourists stopped coming due to higher prices, there would be a risk of insufficient funding for the maintenance of these important buildings.

In conclusion, I believe that every effort should be made to attract tourists from overseas, and it would be **counter productive** to make them pay more than local residents. Đôi khi người ta cho rằng khách du lịch từ nước ngoài nên được tính phí nhiều hơn người dân địa phương đến thăm các di tích và tượng đài quan trọng. Tôi hoàn toàn không đồng ý với ý tưởng này.

Tranh luận ủng hộ giá cao hơn cho khách du lịch nước ngoài sẽ là các điểm du lịch văn hóa hoặc lịch sử thường phụ thuộc vào trợ cấp của nhà nước để giữ cho chúng hoạt động, có nghĩa là dân cư đã trả tiền cho các địa điểm này thông qua hệ thống thuế. Tuy nhiên, tôi tin rằng đây là một cái nhìn rất thiển cận. Khách du lịch nước ngoài đóng góp vào nền kinh tế của nước chủ nhà với số tiền họ chi tiêu cho một loạt các hàng hóa và dịch vụ, bao gồm thực phẩm, quà lưu niệm, chỗ ở và du lịch. Các chính phủ và cư dân của mỗi quốc gia nên vui lòng trợ cấp các địa điểm du lịch quan trọng và khuyến khích mọi người từ khắp nơi trên thế giới đến thăm chúng.

Nếu du khách nhận ra rằng họ sẽ phải trả thêm tiền để ghé thăm các điểm tham quan lịch sử và văn hóa ở một quốc gia cụ thể, họ có lẽ sẽ quyết định không đi đến quốc gia đó vào kỳ nghỉ. Hãy lấy nước Anh làm ví dụ, ngành du lịch và nhiều công việc liên quan phụ thuộc vào du khách đến đất nước để xem những nơi như Lâu đài Windsor hoặc Nhà thờ Saint Paul. Hai địa điểm này tính cùng một mức giá bất kể quốc tịch và điều này giúp quảng bá di sản văn hóa của quốc gia. Nếu khách du lịch nước ngoài không đến nữa do giá cao hơn, sẽ có nguy cơ không đủ kinh phí để duy trì các tòa nhà quan trọng này.

Tóm lại, tôi tin rằng mọi nỗ lực nên được thực hiện để thu hút khách du lịch từ nước ngoài, và nó sẽ phản tác dụng khi bắt họ trả tiền nhiều hơn người dân địa phương.



Some people think that all teenagers should be required to do unpaid work in their free time to help the local community. They believe this would benefit both the individual teenager and society as a whole. Do you agree or disagree?

Một số người nghĩ rằng tất cả thanh thiếu niên nên được yêu cầu làm công việc không lương trong thời gian rảnh rỗi của họ để giúp cộng đồng địa phương. Họ tin rằng điều này sẽ có lợi cho cả cá nhân và xã hội nói chung. Bạn đồng ý hay không đồng ý?

Many young people work on a volunteer basis, and this can only **be beneficial for** both the individual and society as a whole. However, I do not agree that we should therefore force all teenagers to **do unpaid work**.

Most young people are already under enough pressure with their studies, without being given the added responsibility of working in their spare time. School is just as demanding as a full-time job, and teachers expect their students to do homework and exam revision on top of attending lessons every day. When young people do have some free time, we should encourage them to enjoy it with their friends or to spend it doing sports and other leisure activities. They have many years of work ahead of them when they finish their studies.

At the same time, I do not believe that society has anything to gain from obliging young people to do unpaid work. In fact, I would argue that it goes against the values of a free and fair society to force a group of people to do something against their will. Doing this can only lead to resentment amongst young people, who would feel that they were being used, and parents, who would not want to be told how to raise their children. Currently, nobody is forced to volunteer, and this is surely the best system.

In conclusion, teenagers may choose to work for free and help others, but in my opinion we should not make this **compulsory**.

Nhiều thanh niên làm việc trên cơ sở tình nguyện, và điều này chỉ có thể mang lại lợi ích cho cả cá nhân và xã hội nói chung. Tuy nhiên, tôi không đồng ý rằng chúng ta nên buộc tất cả thanh thiếu niên làm công việc không được trả lương.

Hầu hết những người trẻ tuổi đã chịu đủ áp lực với việc học tập của họ, mà chưa tính tới việc giao họ thêm trách nhiệm làm việc trong thời gian rảnh rỗi. Trường học cũng đòi hỏi như một công việc toàn thời gian, và giáo viên mong đợi học sinh của họ làm bài tập về nhà và bài kiểm tra xếp hạng đầu trong bài học mỗi ngày. Khi những người trẻ tuổi có thời gian rảnh, chúng ta nên khuyến khích họ thưởng thức nó với bạn bè của họ hoặc để dành nó cho thể thao và các hoạt động giải trí khác. Họ có nhiều năm làm việc phía trước khi họ kết thúc học tập.

Đồng thời, tôi không tin rằng xã hội có thể đạt được bất cứ điều gì từ việc ép buộc những người trẻ tuổi làm công việc không được trả lương. Thực tế, tôi cho rằng nó chống lại các giá trị của một xã hội tự do và công bằng khi buộc một nhóm người làm điều gì đó chống lại ý muốn của họ. Làm điều này chỉ có thể dẫn đến oán giận giữa những người trẻ tuổi, những người sẽ cảm thấy rằng họ đang được sử dụng, và cha mẹ, những người sẽ không muốn được nói làm thế nào để nuôi dạy con cái của họ. Hiện tại, không ai bị buộc phải tình nguyện, và đây chắc chắn là hệ thống tốt nhất.

Tóm lại, thanh thiếu niên có thể chọn làm việc miễn phí và giúp đỡ người khác, nhưng theo ý kiến của tôi, chúng ta không nên thực hiện điều này bắt buộc.



Some people believe that hobbies need to be difficult to be enjoyable. To what extent do you agree or disagree?

Một số người tin rằng sở thích cần phải khó khăn mới có thể thú vị. Bạn đồng ý hay không đồng ý?

Some hobbies are relatively easy, while others present more of a challenge. Personally, I believe that both types of hobby can be fun, and I therefore disagree with the statement that hobbies need to be difficult in order to be enjoyable.

On the one hand, many people enjoy easy hobbies. One example of an activity that is easy for most people is swimming. This hobby requires very little equipment, it is simple to learn, and it is inexpensive. I remember learning to swim at my local swimming pool when I was a child, and it never felt like a demanding or challenging experience. Another hobby that I find easy and fun is photography. In my opinion, anyone can take interesting pictures without knowing too much about the technicalities of operating a camera. Despite being straightforward, taking photos is a satisfying activity.

On the other hand, difficult hobbies can sometimes be more exciting. If an activity is more challenging, we might feel a greater sense of satisfaction when we manage to do it successfully. For example, film editing is a hobby that requires a high level of knowledge and expertise. In my case, it took me around two years before I became competent at this activity, but now I enjoy it much more than I did when I started. I believe that many hobbies give us more pleasure when we reach a higher level of performance because the results are better and the feeling of achievement is greater.

In conclusion, simple hobbies can be fun and relaxing, but difficult hobbies can be equally pleasurable for different reasons.

Một số sở thích là tương đối dễ dàng, trong khi những người khác có nhiều thách thức hơn. Cá nhân tôi tin rằng cả hai loại sở thích đều có thể vui vẻ, và do đó tôi không đồng ý với tuyên bố rằng sở thích cần phải khó khăn để trở nên thú vị.

Một mặt, nhiều người thích những sở thích dễ dàng. Một ví dụ về một hoạt động dễ dàng đối với hầu hết mọi người là bơi lội. Sở thích này đòi hỏi rất ít trang thiết bị, nó rất đơn giản để học, và nó không tốn kém. Tôi nhớ học bơi ở hồ bơi địa phương của tôi khi tôi còn là một đứa trẻ, và nó không bao giờ cảm thấy như một trải nghiệm khó khăn hoặc đầy thử thách. Một sở thích khác mà tôi thấy dễ dàng và thú vị là chụp ảnh. Theo tôi, bất cứ ai cũng có thể chụp những bức ảnh thú vị mà không cần biết quá nhiều về kỹ thuật vận hành máy ảnh. Mặc dù đơn giản, chụp ảnh là một hoạt động thỏa mãn.

Mặt khác, sở thích khó khăn đôi khi có thể thú vị hơn. Nếu một hoạt động khó khăn hơn, chúng ta có thể cảm thấy hài lòng hơn khi chúng ta cố gắng để làm nó thành công. Ví dụ, chỉnh sửa phim là một sở thích đòi hỏi kiến thức và chuyên môn cao. Trong trường hợp của tôi, tôi mất khoảng hai năm trước khi tôi trở thành người có năng lực trong hoạt động này, nhưng bây giờ tôi đã tận hưởng nó nhiều hơn tôi đã làm khi tôi bắt đầu. Tôi tin rằng nhiều sở thích mang đến cho chúng ta nhiều niềm vui hơn khi chúng ta đạt được mức độ hiệu suất cao hơn vì kết quả tốt hơn và cảm giác thành tích lớn hơn.

Tóm lại, những sở thích đơn giản có thể là niềm vui và thư giãn, nhưng sở thích khó khăn có thể là thú vị như vậy vì nhiều lý do khác nhau.



We cannot help everyone in the world that needs help, so we should only be concerned with our own communities and countries. To what extent do you agree or disagree with this statement?

Chúng ta không thể giúp mọi người trên thế giới cần được giúp đỡ, vì vậy chúng ta chỉ nên quan tâm đến cộng đồng và quốc gia của chúng ta. Bạn đồng ý hoặc không đồng ý với tuyên bố này?

Some people believe that we should not help people in other countries as long as there are problems in our own society. I disagree with this view because I believe that we should try to help as many people as possible.

On the one hand, I accept that it is important to help our neighbours and fellow citizens. In most communities there are people who are impoverished or disadvantaged in some way. It is possible to find homeless people, for example, in even the wealthiest of cities, and for those who are concerned about this problem, there are usually opportunities to volunteer time or give money to support these people. In the UK, people can help in a variety of ways, from donating clothing to serving free food in a soup kitchen. As the problems are on our doorstep, and there are obvious ways to help, I can understand why some people feel that we should prioritise local charity.

At the same time, I believe that we have an obligation to help those who live beyond our national borders. In some countries the problems that people face are much more serious than those in our own communities, and it is often even easier to help. For example, when children are dying from curable diseases in African countries, governments and individuals in richer countries can save lives simply by paying for vaccines that already exist. A small donation to an international charity might have a much greater impact than helping in our local area.

In conclusion, it is true that we cannot help everyone, but in my opinion national boundaries should not stop us from helping those who are in need.

1 số người tin rằng chúng ta không nên giúp đỡ mọi người ở các nước khác khi mà còn có những vấn đề trong xã hội của chúng ta. Tôi không đồng ý với quan điểm này bởi vì tôi tin rằng chúng ta nên cố gắng giúp đỡ càng nhiều người càng tốt.

Một mặt, tôi chấp nhận rằng điều quan trọng là giúp đỡ hàng xóm và công dân của chúng ta. Trong hầu hết các cộng đồng có những người bị nghèo khó hoặc thiệt thời theo một cách nào đó. Có thể tìm thấy những người vô gia cư, ví dụ, ở ngay cả những thành phố giàu có nhất, và đối với những người lo ngại về vấn đề này, thường có cơ hội để tình nguyện dành thời gian hoặc quyên tiền để hỗ trợ những người này. Ở Anh, mọi người có thể giúp đỡ bằng nhiều cách khác nhau, từ quyên góp quần áo đến phục vụ thức ăn miễn phí trong khu phát đồ ăn. Khi các vấn đề đang ở trước cửa nhà chúng ta, và có những cách rõ ràng để giúp đỡ, tôi có thể hiểu tại sao một số người cảm thấy rằng chúng ta nên ưu tiên cho tổ chức từ thiện địa phương.

Đồng thời, tôi tin rằng chúng ta có nghĩa vụ giúp đỡ những người sống ngoài biên giới quốc gia của chúng ta. Ở một số quốc gia, những vấn đề mà mọi người đối mặt nghiêm trọng hơn nhiều so với những người trong cộng đồng của chúng ta, và nó thậm chí còn dễ dàng hơn để giúp đỡ. Ví dụ, khi trẻ em chết vì các bệnh có thể chữa được ở các nước châu Phi, các chính phủ và các cá nhân ở các nước giàu hơn có thể cứu mạng sống đơn giản bằng cách trả tiền cho vắc xin đã có sẵn. Một khoản quyên góp nhỏ cho một tổ chức từ thiện quốc tế có thể có tác động lớn hơn nhiều so với việc giúp đỡ trong khu vực địa phương của chúng ta.

Tóm lại, đúng là chúng ta không thể giúp đỡ tất cả mọi người, nhưng theo ý kiến của tôi, ranh giới quốc gia không nên ngăn cản chúng ta giúp đỡ những người có nhu cầu.



In recent years, there has been growing interest in the relationship between equality and personal achievement. Some people believe that individuals can achieve more in egalitarian societies. Others believe that high levels of personal achievement are possible only if individuals are free to succeed or fail according to their individual merits. What is your view of the relationship between equality and personal success?

Trong những năm gần đây, đã có sự quan tâm ngày càng tăng trong mối quan hệ giữa bình đẳng và thành tích cá nhân. Một số người tin rằng cá nhân có thể đạt được nhiều hơn trong xã hội bình đẳng. Những người khác tin rằng mức độ cao của thành tích cá nhân là có thể chỉ khi cá nhân được tự do để thành công hay thất bại theo giá trị cá nhân của họ. Quan điểm của bạn về mối quan hệ giữa bình đẳng và thành công cá nhân là qì?

In my opinion, an **egalitarian society** is one in which everyone has the same rights and the same opportunities. I completely agree that people can achieve more in this kind of society.

Education is an important factor with regard to personal success in life. I believe that all children should have access to free schooling, and higher education should be either free or affordable for all those who chose to pursue a university degree. In a society without free schooling or affordable higher education, only children and young adults from wealthier families would have access to the best learning opportunities, and they would therefore be better prepared for the job market. This kind of inequality would ensure the success of some but harm the prospects of others.

I would argue that equal rights and opportunities are not in conflict with people's freedom to succeed or fail. In other words, equality does not mean that people lose their motivation to succeed, or that they are not allowed to fail. On the contrary, I believe that most people would feel more motivated to work hard and reach their potential if they thought that they lived in a fair society. Those who did not make the same effort would know that they had wasted their opportunity. Inequality, on the other hand, would be more likely to demotivate people because they would know that the odds of success were stacked in favour of those from privileged backgrounds.

In conclusion, it seems to me that there is a

Theo tôi, một xã hội bình đẳng là một xã hội mà mọi người đều có cùng quyền và cùng cơ hội. Tôi hoàn toàn đồng ý rằng mọi người có thể đạt được nhiều hơn trong loại xã hội này.

Giáo dục là một yếu tố quan trọng đối với sự thành công cá nhân trong cuộc sống. Tôi tin rằng tất cả trẻ em nên được tiếp cận với trường học miễn phí, và giáo dục đại học nên là miễn phí hoặc giá cả phải chăng cho tất cả những người đã chọn theo đuổi bằng đại học. Trong một xã hội không có giáo dục miễn phí hoặc giáo dục đại học giá cả phải chăng, chỉ có trẻ em và thanh thiếu niên từ các gia đình giàu có mới có cơ hội học tập tốt nhất, và do đó họ sẽ chuẩn bị tốt hơn cho thị trường việc làm. Loại bất bình đẳng này sẽ đảm bảo sự thành công cho một số người nhưng gây hại cho tương lai những người còn lai.

Tôi cho rằng quyền bình đẳng và cơ hội không xung đột với sự tự do của mọi người trong việc thành công hay thất bại. Nói cách khác, bình đẳng không có nghĩa là mọi người mất động lực để thành công, hoặc họ không được phép thất bại. Ngược lại, tôi tin rằng hầu hết mọi người sẽ cảm thấy có động lực hơn để làm việc chăm chỉ và đạt được tiềm năng của họ nếu họ nghĩ rằng họ sống trong một xã hội công bằng. Những người không thực hiện cùng một nỗ lực sẽ biết rằng họ đã lãng phí cơ hội của họ. Bất bình đẳng, mặt khác, sẽ có nhiều khả năng làm cho con người bị mất động lực bởi vì họ biết rằng khả năng thành công được sắp sẵn cho những người đến từ nền tảng giàu có.

Tóm lại, có vẻ như với tôi rằng có một mối quan



positive relationship between equality and	hệ tích cực giữa bình đẳng và thành công cá
personal success.	nhân.



Universities should accept equal numbers of male and female students in every subject. To what extent do you agree or disagree?

Các trường đại học nên chấp nhận số lượng học sinh nam và nữ bằng nhau trong mọi môn học. Bạn đồng ý hay không đồng ý?

In my opinion, men and women should have the same educational opportunities. However, I do not agree with the idea of accepting equal proportions of each gender in every university subject.

Having the same number of men and women on all degree courses is simply unrealistic. Student numbers on any course depend on the applications that the institution receives. If a university decided to fill courses with equal numbers of males and females, it would need enough applicants of each gender. In reality, many courses are more popular with one gender than the other, and it would not be practical to aim for equal proportions. For example, nursing courses tend to attract more female applicants, and it would be difficult to fill these courses if fifty per cent of the places needed to go to males.

Apart from the practical concerns expressed above, I also believe that it would be unfair to base admission to university courses on gender. Universities should continue to select the best candidates for each course according to their qualifications. In this way, both men and women have the same opportunities, and applicants know that they will be successful if they work hard to achieve good grades at school. If a female student is the best candidate for a place on a course, it is surely wrong to reject her in favour of a male student with lower grades or fewer qualifications.

In conclusion, the selection of university students should be based on merit, and it would be both impractical and unfair to change to a selection procedure based on gender.

Theo tôi, đàn ông và phụ nữ nên có cơ hội giáo dục như nhau. Tuy nhiên, tôi không đồng ý với ý tưởng chấp nhận tỷ lệ bình đẳng của mỗi giới trong mỗi môn học đại học.

Có cùng số lượng nam và nữ trên tất cả các khóa học đại học chỉ đơn giản là không thực tế. Số lượng sinh viên trên bất kỳ khóa học nào phụ thuộc vào số đơn đăng ký mà tổ chức nhận được. Nếu một trường đại học quyết định nhận các khóa học với số lượng nam và nữ tương đương nhau, thì sẽ cần đủ người nộp đơn cho mỗi giới. Trong thực tế, nhiều khóa học phổ biến hơn với giới tính này so với giới khác, và sẽ không thực tế để nhắm đến tỷ lệ ngang nhau. Ví dụ, các khóa học điều dưỡng có xu hướng thu hút nhiều ứng viên nữ hơn, và sẽ rất khó để nhận đủ người vào các khóa học nếu năm mươi phần trăm của những nơi cần thiết đến với nam giới.

Ngoài các mối quan tâm thực tế được trình bày ở trên, tôi cũng tin rằng sẽ không công bằng khi cung cấp những khóa học đại học dựa vào giới tính. Các trường đại học nên tiếp tục lựa chọn các ứng cử viên tốt nhất cho mỗi khóa học theo trình độ của họ. Bằng cách này, cả nam và nữ đều có cơ hội như nhau, và ứng viên biết rằng họ sẽ thành công nếu họ làm việc chăm chỉ để đạt điểm cao ở trường. Nếu một nữ sinh viên là ứng cử viên tốt nhất cho một vị trí trong một khóa học, chắc chắn là sai lầm khi từ chối cô ấy vì lợi ích của một học sinh nam có điểm số thấp hơn hoặc ít trình độ hơn.

Tóm lại, việc lựa chọn sinh viên đại học phải dựa trên giá trị, và sẽ không thực tế và không công bằng khi thay đổi thủ tục lựa chọn dựa trên giới tính.



POSITIVE OR NEGATIVE

Some universities now offer their courses on the Internet so that people can study online. Is this a positive or negative development?

Một số trường đại học hiện cung cấp các khóa học của họ trên Internet để mọi người có thể học trực tuyến. Đây là một sư phát triển tích cực hay tiêu cực?

It is true that online courses are becoming a common feature of university education.

Although there are some drawbacks of Internet-based learning, I would argue that there are far more benefits.

The main drawback of the trend towards online university courses is that there is less direct interaction. Students may not have the opportunity to engage face-to-face with their teachers, and will instead have to rely on written forms of communication. Similarly, students who study online do not come into direct contact with each other, and this could have a negative impact on peer support, discussion and exchange of ideas. For example, whereas students on traditional courses can attend seminars and even discuss their subjects over coffee after lessons, online learners are restricted to chatting through website forum areas. These learners may also lack the motivation and element of competition that face-to-face group work brings.

Despite the negatives mentioned above, I believe that online university courses are a positive development for various reasons. Firstly, they allow learners to study in a flexible way, meaning that they can work whenever and wherever is convenient, and they can cover the material at their own pace. Secondly, the cost of a university education can be greatly reduced, while revenues for institutions may increase as more students can be taught. Finally, online learning offers open access to anybody who is willing to study, regardless of age, location, ability and background. For example, my uncle, who is 65 years old, has recently enrolled on an online MBA course in a different country, which would have been impossible in the days before Internet-based education.

Đúng là các khóa học trực tuyến đang trở thành một đặc điểm chung của giáo dục đại học. Mặc dù có một số nhược điểm của việc học dựa trên Internet, tôi cho rằng có nhiều thứ lợi ích hơn nhiều.

Hạn chế chính của xu hướng đối với các khóa học đại học trực tuyến là có ít tương tác trực tiếp hơn. Học sinh có thể không có cơ hội tham gia trực tiếp với giáo viên của họ, và thay vào đó sẽ phải dựa vào các hình thức giao tiếp bằng văn bản. Tương tự, sinh viên học trực tuyến không tiếp xúc trực tiếp với nhau, và điều này có thể có tác động tiêu cực đến hỗ trợ trang lứa, thảo luận và trao đổi ý tưởng. Ví dụ, trong khi sinh viên trên các khóa học truyền thống có thể tham dự hội thảo và thậm chí thảo luận về chủ đề của họ qua cà phê sau giờ học, người học trực tuyến bị hạn chế trò chuyện qua các khu vực diễn đàn trên trang web. Những người học này cũng có thể thiếu động lực và yếu tố cạnh tranh mà công việc nhóm mặt đối mặt mang lại.

Mặc dù những điều tiêu cực nêu trên, tôi tin rằng các khóa học đại học trực tuyến là một sự phát triển tích cực vì nhiều lý do khác nhau. Thứ nhất, chúng cho phép người học học một cách linh hoạt, có nghĩa là họ có thể học mọi lúc mọi nơi thuận tiện, và họ có thể học các tài liệu theo nhịp độ riêng của họ. Thứ hai, chi phí của giáo dục đại học có thể được giảm đáng kể, trong khi doanh thu cho các tổ chức có thể tăng lên khi nhiều học sinh hơn có thể được dạy. Cuối cùng, học tập trực tuyến mở ra cánh cữa cho bất kỳ ai sẵn sàng học tập, bất kể tuổi tác, vị trí, khả năng và nền tảng. Ví dụ, chú của tôi, 65 tuổi, gần đây đã ghi danh vào một khóa học MBA trực tuyến ở một quốc gia khác, điều này sẽ không thể xảy ra trong những ngày trước khi có giáo dục dựa trên Internet.



In conclusion, while I recognise the possible disadvantages of online learning, I consider it to be a positive development overall.

Tóm lại, trong khi tôi nhận ra những bất lợi có thể có của việc học tập trực tuyến, tôi coi nó là một sự phát triển tích cực tổng thể.



In some countries, many more people are choosing to live alone nowadays than in the past. Do you think this is a positive or negative development?

Ở một số nước, ngày càng có nhiều người chọn sống một mình hơn trong quá khứ. Bạn nghĩ đây là một sự phát triển tích cực hay tiêu cực?

In recent years it has become far more normal for people to live alone, particularly in large cities in the developed world. In my opinion, this trend could have both positive and negative consequences in equal measure.

The rise in one-person households can be seen as positive for both personal and broader economic reasons. On an individual level, people who choose to live alone may become more independent and self-reliant than those who live with family members. A young adult who lives alone, for example, will need to learn to cook, clean, pay bills and manage his or her budget, all of which are valuable life skills; an increase in the number of such individuals can certainly be seen as a positive development. From an economic perspective, the trend towards living alone will result in greater demand for housing. This is likely to benefit the construction industry, estate agents and a whole host of other companies that rely on homeowners to buy their products or services.

However, the personal and economic arguments given above can be considered from the opposite angle. Firstly, rather than the positive feeling of increased independence, people who live alone may experience feelings of loneliness, isolation and worry. They miss out on the emotional support and daily conversation that family or flatmates can provide, and they must bear the weight of all household bills and responsibilities; in this sense, perhaps the trend towards living alone is a negative one. Secondly, from the financial point of view, a rise in demand for housing is likely to push up property prices and rents. While this may benefit some businesses, the general population, including those who live alone, will be faced with rising living costs.

Trong những năm gần đây nó đã trở nên quá bình thường khi nhiều người hơn sống 1 mình, đặc biệt là ở các thành phố lớn trong thế giới phát triển. Theo ý kiến của tôi, xu hướng này có thể có cả những hậu quả tích cực và tiêu cực trên cùng 1 sự đo lường.

Sự gia tăng trong các hộ gia đình một người có thể được coi là tích cực cho cả lý do cá nhân và lý do về kinh tế. Ở cấp độ cá nhân, những người chọn sống một mình có thể trở nên độc lập và tự chủ hơn những người sống chung với các thành viên trong gia đình. Ví dụ, một thanh niên sống một mình, sẽ cần phải học nấu ăn, dọn dẹp, thanh toán hóa đơn và quản lý ngân sách của mình, tất cả đều là kỹ năng sống có giá trị; sự gia tăng số lượng cá nhân như vậy chắc chắn có thể được xem là một sự phát triển tích cực. Từ quan điểm kinh tế, xu hướng sống một mình sẽ dẫn đến nhu cầu nhà ở lớn hơn. Điều này có thể mang lại lợi ích cho ngành xây dựng, các đại lý bất động sản và một loạt các công ty khác dựa vào các chủ nhà để mua sản phẩm hoặc dịch vụ của ho.

Tuy nhiên, các lập luận cá nhân và kinh tế được đưa ra ở trên có thể được xem xét từ góc đối diện. Thứ nhất, thay vì cảm giác tích cực của sự độc lập gia tăng, những người sống một mình có thể trải nghiệm cảm giác cô đơn, cô lập và lo lắng. Họ bỏ lỡ sự hỗ trợ tình cảm và cuộc trò chuyện hàng ngày mà gia đình hoặc bạn bè có thể cung cấp, và họ phải chịu đựng tất cả các hóa đơn và trách nhiệm của hộ gia đình; theo nghĩa này, có lẽ xu hướng sống một mình là một xu hướng tiêu cực. Thứ hai, từ quan điểm tài chính, sự gia tăng nhu cầu về nhà ở có khả năng đẩy giá bất động sản và tiền thuê lên. Trong khi điều này có thể có lợi cho một số doanh nghiệp, dân số nói chung, bao gồm cả những người sống một mình, sẽ phải đối mặt với chi phí sinh hoạt tăng cao.



In conclusion, the increase in one-person households will have both beneficial and detrimental effects on individuals and on the economy.

Tóm lại, sự gia tăng trong các hộ gia đình một người sẽ có tác động có lợi và bất lợi đối với cá nhân và nền kinh tế.



ADVANTAGES OUTWEIGH DISADVANTAGES

Some people regard video games as harmless fun, or even as a useful educational tool. Others, however, believe that videos games are having an adverse effect on the people who play them. In your opinion, do the drawbacks of video games outweigh the benefits?

Một số người coi trò chơi điện tử là niềm vui vô hại, hoặc thậm chí là một công cụ giáo dục hữu ích. Tuy nhiên, những người khác tin rằng trò chơi điện tử đang có ảnh hưởng xấu đến những người chơi trò chơi. Theo ý kiến của bạn, những hạn chế của trò chơi video có lớn hơn những lợi ích không?

Many people, and children in particular, enjoy playing computer games. While I accept that these games can sometimes have a positive effect on the user, I believe that they are more likely to have a harmful impact.

On the one hand, video games can be both entertaining and educational. Users, or gamers, are transported into virtual worlds which are often more exciting and engaging than real-life pastimes. From an educational perspective, these games encourage imagination and creativity, as well as concentration, logical thinking and problem solving, all of which are useful skills outside the gaming context. Furthermore, it has been shown that computer simulation games can improve users' motor skills and help to prepare them for real-world tasks, such as flying a plane.

However, I would argue that these benefits are outweighed by the drawbacks. Gaming can be highly addictive because users are constantly given scores, new targets and frequent rewards to keep them playing. Many children now spend hours each day trying to progress through the levels of a game or to get a higher score than their friends. This type of addiction can have effects ranging from lack of sleep to problems at school, when homework is sacrificed for a few more hours on the computer or console. The rise in obesity in recent years has also been linked in part to the sedentary lifestyle and lack of exercise that often accompany gaming addiction.

In conclusion, it seems to me that the potential dangers of video games are more significant than the possible benefits.

Nhiều người, và cụ thể là trẻ em, thích chơi trò chơi trên máy tính. Trong khi tôi chấp nhận rằng những trò chơi này đôi khi có thể có tác động tích cực đến người dùng, tôi tin rằng chúng có nhiều khả năng có tác đông có hai hơn.

Một mặt, trò chơi điện tử có thể vừa giải trí vừa mang tính giáo dục. Người dùng, hoặc game thủ, được chuyển vào thế giới ảo thường thú vị và hấp dẫn hơn so với những trò tiêu khiển trong cuộc sống thực. Từ góc độ giáo dục, các trò chơi này khuyến khích trí tưởng tượng và sáng tạo, cũng như tập trung, tư duy logic và giải quyết vấn đề, tất cả đều là những kỹ năng hữu ích bên ngoài ngữ cảnh chơi game. Hơn nữa, nó đã được chứng minh rằng trò chơi mô phỏng máy tính có thể cải thiện kỹ năng vận động của người dùng và giúp chuẩn bị chúng cho các nhiệm vụ thực tế, chẳng hạn như lái máy bay.

Tuy nhiên, tôi cho rằng những lợi ích này sẽ bị làm mờ đi bởi những hạn chế. Trò chơi có thể gây nghiện cao bởi vì người dùng thường xuyên nhận điểm, mục tiêu mới và phần thưởng thường xuyên để họ tiếp tục chơi. Nhiều trẻ em bây giờ dành hàng giờ để cố gắng tiến bộ thông qua các cấp độ của trò chơi hoặc để có điểm cao hơn bạn bè của họ. Loại nghiện này có thể có các ảnh hưởng khác nhau, từ thiếu ngủ đến các vấn đề ở trường, khi bài tập về nhà được hy sinh trong vài giờ nữa trên máy tính hoặc bàn điều khiển. Sự gia tăng béo phì trong những năm gần đây cũng đã được liên kết một phần đến lối sống ít vận động và thiếu tập thể dục thường đi kèm với nghiện game.

Tóm lại, có vẻ như với tôi rằng những mối nguy hiểm tiềm ẩn của trò chơi điện tử lớn hơn hơn so với những lợi ích có thể có.



2-PART QUESTIONS

Happiness is considered very important in life. Why is it difficult to define? What factors are important in achieving happiness?

Hạnh phúc được coi là rất quan trọng trong cuộc sống. Tại sao khó mà định nghĩa nó? Yếu tố nào là quan trọng trong việc đạt được hạnh phúc?

It is no doubt true that the majority of people would like to be happy in their lives. While the personal nature of happiness makes it difficult to describe, there do seem to be some common needs that we all share with regard to experiencing or achieving happiness.

Happiness is difficult to define because it means something different to each individual person. Nobody can fully understand or experience another person's feelings, and we all have our own particular passions from which we take pleasure. Some people, for example, derive a sense of satisfaction from earning money or achieving success, whereas for others, health and family are much more important. At the same time, a range of other feelings, from excitement to peacefulness, may be associated with the idea of happiness, and the same person may therefore feel happy in a variety of different ways.

Although it seems almost impossible to give a precise definition of happiness, most people would agree that there are some basic preconditions to achieving it. Firstly, it is hard for a person to be happy if he or she does not have a safe place to live and enough food to eat. Our basic survival needs must surely be met before we can lead a pleasant life. Secondly, the greatest joy in life is usually found in shared experiences with family and friends, and it is rare to find a person who is content to live in complete isolation. Other key factors could be individual freedom and a sense of purpose in life.

In conclusion, happiness is difficult to define because it is particular to each individual, but I believe that our **basic needs for shelter, food** and company need to be fulfilled before we can experience it.

Không nghi ngờ gì là đa số mọi người muốn được hạnh phúc trong cuộc sống của họ. Trong khi bản chất cá nhân của hạnh phúc gây khó khăn cho việc mô tả, dường như có một số nhu cầu chung mà tất cả chúng ta đều chia sẻ về trải nghiệm hoặc đạt được hạnh phúc.

Hạnh phúc là khó khăn để định nghĩa bởi vì nó có nghĩa khác nhau đối với mỗi cá nhân. Không ai hoàn toàn có thể hiểu hoặc trải nghiệm cảm xúc của người khác, và tất cả chúng ta đều có niềm đam mê đặc biệt của riêng mình mà từ đó chúng ta thỏa mãn. Một số người, ví dụ, lấy cảm giác hài lòng từ việc kiếm tiền hoặc đạt được thành công, trong khi đối với những người khác, sức khỏe và gia đình thì quan trọng hơn nhiều. Đồng thời, một loạt các cảm xúc khác, từ hứng khởi đến hòa bình, có thể liên quan đến ý tưởng hạnh phúc, và cùng một người có thể cảm thấy hạnh phúc theo nhiều cách khác nhau.

Mặc dù dường như không thể đưa ra định nghĩa chính xác về hạnh phúc, hầu hết mọi người đều đồng ý rằng có 1 số điều kiện tiên quyết cơ bản để đạt được nó. Thứ nhất, rất khó cho 1 người hạnh phúc nếu họ không có 1 nơi an toàn để sống và đủ thức ăn để ăn. Nhu cầu sống cơ bản chắc chắn phải được đáp ứng trước khi chúng ta có thể sống 1 cuộc sống dễ chịu. Thứ hai, niềm vui lớn nhất trong cuộc sống thường được tìm thấy trong những trải nghiệm được chia sẻ với gia đình và bạn bè, và hiếm khi tìm được 1 người hài lòng khi có cuộc sống hoàn toàn cô lập. Các yếu tố quan trọng khác có thể là tự do cá nhân và ý thức về mục đích trong cuộc sống.

Tóm lại, hạnh phúc khó xác định bởi vì nó đặc biệt cho mỗi cá nhân, nhưng tôi tin rằng nhu cầu cơ bản của chúng ta là nơi ở, thực phẩm và sự đồng hành cần được đáp ứng trước khi chúng ta có thể trải nghiệm nó.



There are many different types of music in the world today. Why do we need music? Is the traditional music of a country more important than the international music that is heard everywhere nowadays?

Có nhiều loại nhạc khác nhau trên thế giới hiện nay. Tại sao chúng ta cần âm nhạc? Âm nhạc truyền thống của một quốc gia quan trọng hơn âm nhạc quốc tế được nghe ở khắp mọi nơi ngày nay?

It is true that a rich variety of musical styles can be found around the world. Music is a vital part of all human cultures for a range of reasons, and I would argue that traditional music is more important than modern, international music.

Music is something that accompanies all of us throughout our lives. As children, we are taught songs by our parents and teachers as a means of learning language, or simply as a form of enjoyment. Children delight in singing with others, and it would appear that the act of singing in a group creates a connection between participants, regardless of their age. Later in life, people's musical preferences develop, and we come to see our favourite songs as part of our life stories. Music both expresses and arouses emotions in a way that words alone cannot. In short, it is difficult to imagine life without it.

In my opinion, traditional music should be valued over the international music that has become so popular. International pop music is often catchy and fun, but it is essentially a commercial product that is marketed and sold by business people. Traditional music, by contrast, expresses the culture, customs and history of a country. Traditional styles, such as ...(example)..., connect us to the past and form part of our cultural identity. It would be a real pity if pop music became so predominant that these national styles disappeared.

In conclusion, music is a necessary part of human existence, and I believe that traditional music should be given more importance than international music.

Đúng là một loạt các phong cách âm nhạc phong phú có thể được tìm thấy trên khắp thế giới. Âm nhạc là một phần quan trọng trong tất cả các nền văn hóa của con người vì nhiều lý do, và tôi cho rằng âm nhạc truyền thống quan trọng hơn âm nhạc hiện đại, quốc tế.

Âm nhạc là cái gì đó đồng hành với tất cả chúng ta trong suốt cuộc đời. Là trẻ em, chúng ta được dạy các bài hát của cha mẹ và giáo viên như là một phương tiện học ngôn ngữ, hoặc đơn giản là một hình thức thụ hưởng. Trẻ em thích hát với những người khác, và dường như rằng hành động ca hát trong một nhóm tạo nên sự kết nối giữa những người tham gia, bất kể tuổi tác của họ. Sau này trong cuộc sống, sở thích âm nhạc của con người phát triển, và chúng ta đến để xem những bài hát yêu thích như là một phần của câu chuyện cuộc sống của chúng ta. Âm nhạc vừa thể hiện vừa gợi lên cảm xúc theo cách mà từ ngữ không thể diễn tả. Tóm lại, thật khó để tưởng tượng cuộc sống mà thiếu nó.

Theo tôi, âm nhạc truyền thống nên được đánh giá cao hơn âm nhạc quốc tế cái mà đã trở nên phổ biến. Nhạc pop quốc tế thường hấp dẫn và thú vị, nhưng về bản chất nó là một sản phẩm thương mại được tiếp thị và bán bởi những người kinh doanh. Ngược lại, âm nhạc truyền thống thể hiện văn hóa, phong tục và lịch sử của một quốc gia. Các phong cách truyền thống, chẳng hạn như ... (ví dụ) ..., kết nối chúng ta với quá khứ và tạo thành một phần bản sắc văn hóa của chúng ta. Nó sẽ là một điều đáng tiếc nếu nhạc pop trở nên quá nổi bật đến nỗi các phong cách nhạc quốc qia này biến mất.

Tóm lại, âm nhạc là một phần cần thiết của sự tồn tại của con người, và tôi tin rằng âm nhạc truyền thống nên được đưa ra tầm quan trọng hơn âm nhạc quốc tế.



Nowadays the way many people interact with each other has changed because of technology. In what ways has technology affected the types of relationships that people make? Has this been a positive or negative development?

Ngày nay, cách mà nhiều người tương tác với nhau đã thay đổi vì công nghệ. Theo cách nào, công nghệ có ảnh hưởng đến các loại mối quan hệ mà con người tạo ra? Đây phải là một sự phát triển tích cực hay tiêu cưc?

It is true that new technologies have had an influence on communication between people. Technology has affected relationships in various ways, and in my opinion there are both positive and negative effects.

Technology has had an impact on relationships in business, education and social life. Firstly, telephones and the Internet allow business people in different countries to interact without ever meeting each other. Secondly, services like Skype create new possibilities for relationships between students and teachers. For example, a student can now take video lessons with a teacher in a different city or country. Finally, many people use social networks, like Facebook, to make new friends and find people who share common interests, and they interact through their computers rather than face to face.

On the one hand, these developments can be extremely positive. Cooperation between people in different countries was much more difficult when communication was limited to written letters or telegrams. Nowadays, interactions by email, phone or video are almost as good as face-to-face meetings, and many of us benefit from these interactions, either in work or social contexts. On the other hand, the availability of new communication technologies can also have the result of isolating people and discouraging real interaction. For example, many young people choose to make friends online rather than mixing with their peers in the real world, and these 'virtual' relationships are a poor substitute for real friendships.

In conclusion, technology has certainly **revolutionised** communication between people, but not all of the outcomes of this revolution have been positive.

Đúng là các công nghệ mới đã có ảnh hưởng đến giao tiếp giữa con người. Công nghệ đã ảnh hưởng đến các mối quan hệ theo nhiều cách khác nhau, và theo ý kiến của tôi, có cả những tác đông tích cực và tiêu cực.

Công nghệ đã có tác động đến các mối quan hệ trong kinh doanh, giáo dục và đời sống xã hội. Thứ nhất, điện thoại và Internet cho phép người kinh doanh ở các quốc gia khác nhau tương tác mà không bao giờ cần gặp nhau. Thứ hai, các dịch vụ như Skype tạo ra các khả năng mới cho các mối quan hệ giữa sinh viên và giáo viên. Ví dụ: một sinh viên giờ đây có thể học các bài học video với giáo viên ở một thành phố hoặc quốc gia khác. Cuối cùng, nhiều người sử dụng mạng xã hội, như Facebook, kết bạn mới và tìm những người có chung sở thích, và họ tương tác thông qua máy tính của họ thay vì trực tiếp.

Một mặt, những phát triển này có thể cực kỳ tích cực. Sự hợp tác giữa con người ở các quốc gia khác nhau còn khó khăn hơn nhiều khi giao tiếp bị hạn trong việc thư viết hoặc điện tín. Ngày nay, các tương tác qua email, điện thoại hoặc video gần cũng đã tốt như các cuộc họp mặt đối mặt và nhiều người trong chúng ta được hưởng lợi từ những tương tác này, trong bối cảnh công việc hoặc xã hội. Mặt khác, sự sẵn có của các công nghệ truyền thông mới cũng có thể là kết quả của việc cô lập con người và ngăn cản sự tương tác thực sự. Ví dụ, nhiều người trẻ chọn kết bạn trực tuyến thay vì hòa trộn với bạn bè của họ trong thế giới thực, và những mối quan hệ 'ảo' này là một sự thay thế không tốt cho tình bạn thực sự.

Tóm lại, công nghệ đã chắc chắn cách mạng hóa giao tiếp giữa con người, nhưng không phải tất cả các kết quả của cuộc cách mạng này đều là tích cực.

